

Địa chỉ trụ sở : Số 40, đường Vạn An, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An
Địa chỉ VPĐD: Bến Thủy 13, Phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An
Điện thoại : 0904.211.345; Email:57truongphat@gmail.com



ISO 9001:2008

HỒ SƠ GIỚI THIỆU NĂNG LỰC CÔNG TY



CÔNG TY CPTV KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG TRƯỜNG PHÁT

Địa chỉ trụ sở: Số 40, đường Vạn An, Phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An

Địa chỉ VPĐD: Bến Thủy 13, Phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

Tel: 0904.211.345 - Email: 57truongphat@gmail.com.

MỤC LỤC

Phần I. Giới thiệu chung

- Thư giới thiệu.....
- Lịch phát triển công ty.....
- Chính sách chất lượng.....
- Mục tiêu chất lượng.....
- Cam kết hành động.....
- Giá trị cốt lõi.....

Phần II. Tư cách pháp nhân

Phần III. Giới thiệu năng lực

- Sơ đồ tổ chức.....
- Nhân lực.....
- Hệ thống trang thiết bị và máy móc.....
- Một số công trình tiêu biểu đã và đang thực hiện.....

Phần IV. Một số hợp đồng tiêu biểu

Phần V. Chứng chỉ kiểm định thiết bị



ISO 9001:2008

CÔNG TY CPTV KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG TRƯỜNG PHÁT

Địa chỉ trụ sở: Số 40, đường Vạn An, Phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An

Địa chỉ VPĐD: Bến Thủy 13, Phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

Tel: 0904.211.345, Email: 57truongphat@gmail.com.

PHẦN I

GIỚI THIỆU CHUNG



CÔNG TY CPTV KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG TRƯỜNG PHÁT

Địa chỉ trụ sở: Số 40, đường Vạn An, Phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An

Địa chỉ VPĐD: Bến Thủy 13, Phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

Tel: 0904.211.345, Email: 57truongphat@gmail.com.

THƯ GIỚI THIỆU

Công ty CPTV kiểm định xây dựng Trường Phát xin gửi lời cảm ơn quý khách hàng đã dành cho chúng tôi cơ hội tham dự thầu/chào giá cạnh tranh hạng mục khảo sát địa chất công trình; thí nghiệm; kiểm định; kiểm tra và chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng cho dự án.....

Với kinh nghiệm nhiều năm, chúng tôi chuyên sâu trong lĩnh vực khảo sát địa chất công trình; thí nghiệm; kiểm định; kiểm tra và chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng. Với máy móc thiết bị hiện đại, đội ngũ công nhân tay nghề cao. Công ty CPTV kiểm định xây dựng Trường Phát đã tham gia rất nhiều công trình lớn trên địa bàn tỉnh Nghệ An cũng như một số tỉnh khác trong nước như Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Hà Tĩnh, Quảng Nam.

Công ty CPTV kiểm định xây dựng Trường Phát luôn đặt chất lượng lên hàng đầu, bao gồm cả chất lượng dịch vụ. Chính vì vậy Công ty chúng tôi ngày càng được nhiều nhà thầu cũng như chủ đầu tư tin tưởng và lựa chọn.

Để thuận lợi hơn trong việc tìm hiểu và lựa chọn, chúng tôi xin gửi tới Quý Ban/Quý Công ty bản Hồ sơ năng lực với đầy đủ thông tin cơ bản về Công ty chúng tôi.

Rất mong Quý Ban/Công ty xem xét và tạo điều kiện để chúng tôi được tham gia dự án với tư cách là nhà thầu chính.

Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn!



Nguyễn Thị Phương Thảo



CÔNG TY CPTV KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG TRƯỜNG PHÁT

Địa chỉ trụ sở: Số 40, đường Vạn An, Phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An

Địa chỉ VPĐD: Bến Thủy 13, Phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

Tel: 0904.211.345, Email: 57truongphat@gmail.com.

LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN CÔNG TY

Tháng 12 năm 2008 Công ty Cổ phần Tư vấn Kiểm định Xây dựng Trường Phát được thành lập với 3 cổ đông sáng lập, tổng nhân sự 8 người và lĩnh vực kinh doanh chính là Thí nghiệm vật liệu xây dựng. Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 57 đường Nguyễn Du, TP.Vinh, tỉnh Nghệ An.

Năm 2009, chỉ sau 1 năm hoạt động Công ty đã nhanh chóng khẳng định vị trí của mình trên địa bàn tỉnh Nghệ An, đã tham gia được nhiều dự án trên địa bàn tỉnh. Phòng thí nghiệm của Công ty đã tham gia hầu hết các dự án của các huyện trong tỉnh. Đội ngũ nhân sự cũng đã được tăng cường đáng kể với trên 15 người.

Năm 2010, nhằm phù hợp hơn với định hướng mới là Công ty không chỉ hoạt động Thí nghiệm vật liệu xây dựng mà còn mở rộng sang các lĩnh vực Khảo sát địa chất công trình; Tư vấn thiết kế; Tư vấn giám sát. Và thị trường của Công ty cũng đã được mở rộng, Phòng thí nghiệm của Công ty đã tham gia nhiều dự án bên ngoài tỉnh Nghệ An như Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Hà Tĩnh, Quảng Nam, Đồng Tháp...

Đầu năm 2016 để đáp ứng nhu cầu hoạt động Công ty đã chuyển trụ sở về số 40 đường Vạn An, phường Hưng Bình, TP.Vinh, tỉnh Nghệ An.

Chỉ sau 18 năm, Công ty đã trở thành một trong những Công ty có tiếng trong lĩnh vực Khảo sát; Thí nghiệm; Kiểm định. Tổng nhân sự đã tăng lên 50 người trong đó 15 người tại trụ sở chính và 35 người tại các trạm hiện trường.

Trong 18 năm liền, Công ty đã không ngừng tăng trưởng cả về quy mô lẫn hiệu quả, mức tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận trung bình đạt trên 200% một năm. Uy tín và vị thế của Công ty ngày càng được khẳng định.



CÔNG TY CPTV KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG TRƯỜNG PHÁT

Địa chỉ trụ sở: Số 40, đường Vạn An, Phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An

Địa chỉ VPĐD: Bến Thủy 13, Phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

Tel: 0904.211.345, Email: 57truongphat@gmail.com.

CHÍNH SÁCH CHẤT LƯỢNG

Để trở thành Công ty cung cấp dịch vụ về khảo sát địa chất, kiểm định và đánh giá sự phù hợp chất lượng công trình xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng có uy tín tại Việt Nam, Lãnh đạo công ty cam kết:

1. **Áp dụng triệt để** hệ thống quản lý chất lượng nhằm kiểm soát chặt chẽ các hoạt động của Công ty để cung cấp cho Khách hàng các sản phẩm và dịch vụ tốt nhất.
2. **Không ngừng cải tiến** hệ thống quản lý chất lượng để đảm bảo sự phù hợp và hiệu quả trong từng giai đoạn phát triển.
3. **Liên tục đào tạo** nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ công nhân viên để đảm bảo nguồn lực luôn đáp ứng các hoạt động của Công ty.
4. **Luôn tạo môi trường làm việc phù hợp** để phát huy tối đa năng lực và sự sáng tạo của các cán bộ nhân viên trong Công ty cùng tinh thần làm việc tập thể.
5. **Đảm bảo tất cả các phép thử và các hoạt động khác** luôn tuân thủ các qui định của nhà nước để đảm bảo tính pháp lý và chính xác, tin cậy và khách quan.
6. **Xử lý triệt để và kịp thời** các khiếu nại, phản hồi của khách hàng về chất lượng của kết quả và dịch vụ của Công ty.



CÔNG TY CPTV KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG TRƯỜNG PHÁT

Địa chỉ trụ sở: Số 40, đường Vạn An, Phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An

Địa chỉ VPĐD: Bến Thủy 13, Phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

Tel: 0904.211.345, Email: 57truongphat@gmail.com.

MỤC TIÊU CHẤT LƯỢNG

1. Không ngừng cải tiến công nghệ, nâng cao năng suất và chất lượng dịch vụ

Để trở thành một Công ty hàng đầu về cung cấp dịch vụ khảo sát địa chất, kiểm định và đánh giá sự phù hợp chất lượng công trình xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, chúng tôi luôn luôn chú trọng trong việc nâng cao năng suất và chất lượng dịch vụ cũng như hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng.

2. Luôn luôn hướng tới khách hàng

- Luôn mang tới khách hàng những dịch vụ với chất lượng tốt nhất và nhanh nhất.
- Đáp ứng đa dạng các nhu cầu của khách hàng bằng các dịch vụ gia tăng.
- Thiết lập một mối quan hệ thân thiết, bền vững với khách hàng.

3. Năng động, sáng tạo

Đây là mục tiêu luôn được chú trọng khuyến khích và phát huy ở Công ty. Chúng tôi hiểu rằng, tự do đổi mới và năng động sáng tạo là yếu tố tiên quyết để trở thành Công ty hàng đầu. Môi trường năng động và cởi mở ở Công ty luôn khuyến khích và tiếp nhận những cá nhân sáng tạo và năng động.

4. Hợp tác, chia sẻ, tin cậy

- Sức mạnh tập thể là nhân tố tạo nên sức mạnh của Công ty. Đoàn kết được tạo ra từ sự kết hợp, bổ sung giữa các cá nhân với năng lực và cá tính riêng biệt.
- Thiết lập môi trường làm việc tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau.
- Tạo cơ hội cho sự phát triển của mọi thành viên ở Công ty.



ISO 9001:2008

CÔNG TY CPTV KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG TRƯỜNG PHÁT

Địa chỉ trụ sở: Số 40, đường Vạn An, Phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An

Địa chỉ VPĐD: Bến Thủy 13, Phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

Tel: 0904.211.345, Email: 57truongphat@gmail.com.

CAM KẾT HÀNH ĐỘNG

Với phương châm “Hoàn thiện trên từng bước tiến”, Công ty chúng tôi luôn không ngừng hoàn thiện mình, không chỉ trong công tác chuyên môn mà còn không ngừng hoàn thiện nhân cách, tác phong của từng nhân viên để ngày càng nâng cao được chất lượng phục vụ khách hàng.

Là một Công ty hoạt động với phương châm: Lợi ích của khách hàng là trên hết; lợi ích của người lao động được quan tâm; lợi ích của cổ đông được chú trọng; đóng góp có hiệu quả vào sự phát triển của cộng đồng.

- **Đối với khách hàng:** Công ty cam kết thỏa mãn tối đa lợi ích của khách hàng trên cơ sở cung cấp cho khách hàng những dịch vụ tối ưu, chi phí có tính cạnh tranh.
- **Đối với nhân viên:** Công ty quan tâm đến cả đời sống vật chất và đời sống tinh thần của người lao động, đảm bảo mức thu nhập cao và đời sống ổn định, người lao động thường xuyên được chăm lo nâng cao trình độ nghiệp vụ.
- **Đối với cổ đông:** Công ty quan tâm và nâng cao giá trị Công ty, duy trì mức cổ tức cao hàng năm...
- **Đối với cộng đồng:** Công ty cam kết thực hiện tốt nghĩa vụ tài chính đối với ngân sách Nhà nước; Luôn quan tâm chăm lo đến công tác xã hội, từ thiện để chia sẻ khó khăn của cộng đồng.



CÔNG TY CPTV KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG TRƯỜNG PHÁT

Địa chỉ trụ sở: Số 40, đường Vạn An, Phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An

Địa chỉ VPĐD: Bến Thủy 13, Phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

Tel: 0904.211.345, Email: 57truongphat@gmail.com.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- Định hướng khách hàng là nền tảng mọi hoạt động
- Kết hợp hài hòa lợi ích khách hàng, cổ đông, nhân viên, và cộng đồng là sợi chỉ xuyên suốt mọi hành động.
- Xây dựng văn hóa Công ty theo phương châm tạo dựng một tập thể đoàn kết, tương trợ, văn minh, không ngừng học hỏi để hoàn thiện.
- Đội ngũ nhân viên luôn minh bạch và có tinh thần trách nhiệm, luôn thể hiện tính chuyên nghiệp và sáng tạo là cơ sở cho thành công của Công ty.



ISO 9001:2008

CÔNG TY CPTV KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG TRƯỜNG PHÁT

Địa chỉ trụ sở: Số 40, đường Vạn An, Phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An

Địa chỉ VPĐD: Bến Thủy 13, Phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

Tel: 0904.211.345, Email: 57truongphat@gmail.com.

PHẦN II

TƯ CÁCH PHÁP NHÂN

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 2900938949

Đăng ký lần đầu: ngày 19 tháng 12 năm 2008

Đăng ký thay đổi lần thứ: 8, ngày 18 tháng 08 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG TRƯỜNG PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 40, đường Vạn An, Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Điện thoại: 0383 558812

Số Fax:

Thư điện tử: 57truongphat@gmail.com

Website:

3. Vốn điều lệ: 3.300.000.000 đồng.

Bằng chữ: Ba tỷ ba trăm triệu đồng

Mệnh giá cổ phần: 100.000 đồng

Tổng số cổ phần: 33.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO, Giới tính: Nữ

Ngày, tháng, năm sinh: 08/02/1980

Số định danh cá nhân: 040180028832

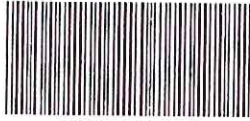
Chức danh: Giám đốc

Địa chỉ liên lạc: *Khối Tân Phong, Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam*



CÔNG CHỨNG VIỆN
Nguyễn Thị Diệu Linh Nguyễn Anh Tuấn

Số:



27175/18

GIẤY XÁC NHẬN

Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Phòng Đăng ký kinh doanh: *Tỉnh Nghệ An*

Địa chỉ trụ sở: *Số 20 đường Trường Thi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam*

Điện thoại: *0238 3844010*

Fax:

Email: *dkkd@khdt.nghean.gov.vn*

Website:

Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY CP TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG TRƯỜNG PHÁT**

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: 2900938949

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Xây dựng nhà để ở Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng	4101(Chính)
2	Xây dựng nhà không để ở	4102
3	Xây dựng công trình đường sắt	4211
4	Xây dựng công trình đường bộ Chi tiết:- Xây dựng đường cao tốc, đường ô tô, đường phố, các loại đường khác và đường cho người đi bộ; - Các công việc bề mặt trên đường phố, đường bộ, đường cao tốc, cầu công: Rải nhựa đường, sơn đường và các loại sơn khác, lắp đặt các đường chắn, các dấu hiệu giao thông và các thứ tương tự; - Xây dựng cầu, bao gồm cầu cho đường cao tốc; - Xây dựng đường ống; - Xây dựng đường ngầm; - Xây dựng đường băng máy bay.	4212

STT	Tên ngành	Mã ngành
5	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng hệ thống cấp và thoát nước, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu đô thị và nông thôn, hệ thống điện chiếu sáng; - Xây dựng công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, đường dây và trạm biến áp đến 220 KV, bưu chính viễn thông; - Xây dựng công trình đê, kè cảng biển; - Xây dựng, trùng tu, tôn tạo các công trình thể thao, du lịch, văn hóa, di tích lịch sử.	4299
6	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: - Phòng chống môi mọt cho các công trình xây dựng, đê đập, cây xanh; - Xử lý nền móng công trình - Nạo vét sông, luồng lạch, kênh mương. - Xây dựng nền móng bao gồm cả ép cọc - Các công việc về chống âm và chống thấm nước - Lắp dựng kết cấu thép không thể SX nguyên khối - Lắp dựng và gỡ bỏ cooppha, giàn giáo - Xây dựng bể bơi ngoài trời - Lợp mái các công trình nhà để ở	4390
7	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Mua bán gỗ cây, gỗ chế biến, xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, son, vécni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, hàng trang trí nội và ngoại thất, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.	4663
8	Phá dỡ Chi tiết: Phá dỡ các công trình xây dựng	4311
9	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: San lấp mặt bằng	4312
10	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện ở tất cả các công trình nhà ở và dân dụng như: Dây dẫn và thiết bị điện, đường dây thông tin liên lạc, mạng máy tính và dây cáp truyền hình, bao gồm cả cáp quang học, hệ thống chiếu sáng, chuông báo cháy, hệ thống báo động chống trộm, tín hiệu điện và đèn trên đường phố, đèn trên đường băng sân bay	4321
11	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: Lắp đặt, bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí trong nhà hoặc tại các công trình xây dựng khác	4322
12	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330



STT	Tên ngành	Mã ngành
13	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy, chống sét; - Lắp đặt thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, các loại đường ống; - Lắp đặt cấu kiện bê tông đúc sẵn.	4329
14	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng phục vụ ngành xây dựng, cấp thoát nước, giao thông vận tải, lâm nghiệp, khai thác khoáng sản. - Mua bán thiết bị, vật tư và dụng cụ thí nghiệm vật liệu xây dựng, khảo sát, thi công.	4659
15	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
16	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
17	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Vận tải hàng hóa thông thường: vận tải gỗ, vận tải gia súc, nông lâm sản, hàng hóa thông thường khác; - Vận tải hàng hóa bằng xe chuyên dụng: xe bồn chở chất lỏng, xe chở hóa chất, xe đông lạnh; - Vận tải hàng nặng, vận tải container; - Vận tải phế liệu, phế thải, rác thải, không đi kèm hoạt động thu gom hoặc đổ phế liệu, phế thải, rác thải	4933
18	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Vận tải hành khách theo tuyến cố định, theo hợp đồng, khách du lịch	4632
19	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
20	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: Mua bán thiết bị, vật tư và dụng cụ thí nghiệm vật liệu xây dựng, khảo sát, thi công.	3312
21	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: Sản xuất thiết bị và dụng cụ thí nghiệm vật liệu xây dựng, khảo sát	2829
22	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị thi công, thí nghiệm, khảo sát.	7730
23	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Mua bán sắt, thép, cấu kiện kim loại	4662



STT	Tên ngành	Mã ngành
24	Xây dựng công trình công ích khác	4229
25	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
26	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
27	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng Sản xuất năng lượng sạch từ các sản phẩm mùn cưa, gỗ tạp, cây cùi, bã mía, vỏ trấu...	3290
28	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Thăm dò, khai thác khoáng sản	0899
29	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Mua bán các loại xe, máy công trình	4511
30	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
31	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
32	Bốc xếp hàng hóa	5224
33	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
34	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đấu thầu, đánh giá và thẩm tra kết quả dự thầu, lập dự án, quản lý dự án, lập dự toán các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, đường dây và trạm biến áp đến 500 KV, bưu chính viễn thông, hệ thống cấp và thoát nước, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu đô thị và nông thôn, hệ thống điện chiếu sáng, công trình thể thao, văn hóa và du lịch,	7020



STT	Tên ngành	Mã ngành
35	<p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát địa chất, địa hình, thủy văn, trắc địa các công trình; - Tư vấn thiết kế, thẩm tra hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông (Cầu, đường bộ), thủy lợi, thủy điện, hạ tầng kỹ thuật (cấp và thoát nước), đường dây và trạm biến áp đến 220 KV, hệ thống điện dân dụng và công nghiệp, điện chiếu sáng, điện – điện tử viễn thông, mạng thông tin liên lạc trong công trình xây dựng, hệ thống thông gió điều hòa không khí, hệ thống phòng cháy chữa cháy công trình xây dựng; - Tư vấn giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông (Cầu, đường bộ), thủy lợi, thủy điện, hạ tầng kỹ thuật (cấp và thoát nước), đường dây và trạm biến áp đến 220 KV, hệ thống điện dân dụng và công nghiệp, điện chiếu sáng, điện – điện tử viễn thông, mạng thông tin liên lạc trong công trình xây dựng, hệ thống phòng cháy chữa cháy công trình xây dựng, thi công tu bổ và phục hồi di tích, xử lý nền móng công trình; - Thiết kế quy hoạch xây dựng, thiết kế kiến trúc công trình, thiết kế nội và ngoại thất công trình. - Tư vấn giám sát lắp đặt thiết bị công trình, thiết bị công nghệ. 	7110
36	<p>Kiểm tra và phân tích kỹ thuật</p> <p>Chi tiết: Kiểm định chất lượng công trình xây dựng, thí nghiệm vật liệu xây dựng, chứng nhận an toàn chịu lực công trình và chứng nhận sự phù hợp chất lượng công trình (doanh nghiệp chỉ được hoạt động khi đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật).</p>	7120



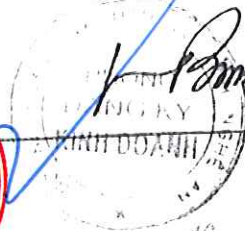
CHỨNG THỰC BẢN SÀO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
 SỐ CT: 00994 Quyển số: 001785
 NGÀY 20/01/2026
 PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 1

Nơi nhận:

- CÔNG TY CP TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH
 XÂY DỰNG TRƯỜNG PHÁT. Địa
 chỉ: Số 40, đường Vạn An, Phường Hưng
 Bình, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An,
 Việt Nam

- Lưu: Nguyễn Thị Xuân Anh.....

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Trọng Bình

CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thị Diệu Linh

Số: 168 /GCN-BXD

Hà Nội, ngày 31 tháng 5 năm 2023

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 52/2022/NĐ-CP ngày 08/8/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty Cổ phần Tư vấn kiểm định xây dựng Trường Phát và Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 24/3/2023;

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty Cổ phần Tư vấn kiểm định xây dựng Trường Phát

Mã số thuế: 2900938949

Địa chỉ: Số 40, đường Vạn An, P. Hưng Bình, TP. Vinh, Nghệ An

2. Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm vật liệu và kiểm định xây dựng

Địa chỉ: Khối 13, P. Bến Thủy, TP. Vinh, Nghệ An

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong Bảng danh mục theo đây do công nhận này.

3. Mã số phòng thí nghiệm: LAS-XD-703

4. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm 2026 từ ngày cấp, thay thế Giấy chứng nhận số 600/GCN-BXD ngày 31/8/2018./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Tư vấn kiểm định xây dựng Trường Phát;
- SXD tỉnh Nghệ An;
- TT Thông tin (website);
- Lưu: VT, Vụ KHCN&MT.



PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 1

**TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
VÀ MÔI TRƯỜNG**

CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thị Diệu Linh

DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 765

(Kèm theo Giấy chứng nhận Số: 168/GCN-BXD, ngày 31 tháng 5.. năm 2023

của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
I	XI MĂNG	
1.	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030:2003
2.	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011
3.	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015
4.	Xác định hàm lượng bột khí trong vữa xi măng	TCVN 8876:2012 ASTM C185
5.	Giới hạn bền nén, phương pháp nhanh	TCVN 3736:1982
6.	Xác định hàm lượng mất khi nung	TCVN 141:2008
II	CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA	
7.	Thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006
8.	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006
9.	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006
10.	Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006
11.	Xác định độ ẩm, độ hút nước	TCVN 7572-7:2006
12.	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006
13.	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006
14.	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006
15.	Xác định độ nén đập trong và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006
16.	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy (Los Angeles)	TCVN 7572-12:2006
17.	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006
18.	Xác định khả năng phản ứng kiềm - silic cho bê tông và vữa	TCVN 7572-14:2006
19.	Hàm lượng ion clo cho bê tông và vữa	TCVN 7572-15:2006
20.	Xác định hàm lượng sunfat và sunfit cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-16:2006
21.	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17:2006
22.	Xác định hàm lượng silic oxit vô định hình	TCVN 7572-19:2006
23.	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:2006
24.	Phương pháp xác định góc dốc tự nhiên của cát	TCVN 8724:2012 ASTM 883-99
25.	Xác định giá trị cát tương đương của đất và cốt liệu mịn (Hệ số ES)	ASTM D2419:91
26.	Xác định hàm lượng mịn hơn 0,075 mm	TCVN 9205:2012
27.	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006
III	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
28.	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022
29.	Thử độ cứng Vebe	TCVN 3107:2022
30.	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993
31.	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:2022
32.	Thí nghiệm phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:1993
33.	Xác định hàm lượng bột khí	TCVN 3111:2022
34.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:2022
35.	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022
36.	Xác định khối lượng thể tích bê tông	TCVN 3115:2022

37.	Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116:2022
38.	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022
39.	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022
40.	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bừa	TCVN 3120: 2022
41.	Xác định nhiệt độ của hỗn hợp bê tông	TCVN 9340:2012
42.	Xác định độ chảy xòe của hỗn hợp bê tông	ASTM C1611
43.	Xác định thời gian đông kết của bê tông	TCVN 9338:2012
44.	Đánh giá cường độ bê tông trên cấu kiện hoặc kết cấu công trình	TCXDVN 239:2006
IV	PHỤ GIA HÓA HỌC CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA	
45.	Xác định lượng nước tối đa, thời gian đông kết và cường độ nén so với mẫu đối chứng	TCVN 8826:2021
V	KIM LOẠI VÀ MỐI HÀN	
46.	Thử kéo	TCVN 197-1:2014 TCVN 10952:2015 TCVN 11243:2016
47.	Thử uốn	TCVN 198:2008; TCVN 6287:1997
48.	Kiểm tra chất lượng mối hàn-Thử uốn	TCVN 5401:2010
49.	Kiểm tra chất lượng hàn ống-Thử nén dẹt	TCVN 5402:2010
50.	Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 5403:1991
51.	Thử kéo bu lông neo, tải trọng phá hoại của bu lông, vít, vít cấy, đai ốc	TCVN 1916:1995
52.	Kiểm tra không phá hủy mối hàn - Phương pháp siêu âm	TCVN 6735:2000 TCVN1548:1987
53.	Xác định chiều dày lớp phủ sơn, mạ kẽm nóng	TCVN 2095:1993 TCVN 5408:2007 ISO 01461:1999
54.	Thép thanh cốt bê tông - Thử uốn và uốn lại không hoàn toàn (Thử uốn thép gai)	TCVN 6287:1997
55.	Thử kéo mối nối ống ren thép cốt bê tông	TCVN 8163:2009 ISO 15835-2:2009
56.	Thử cấp dự ứng lực	ASTM A370-02
VI	ĐẤT, ĐÁ TRONG PHÒNG	
57.	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012
58.	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012
59.	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012
60.	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014
61.	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng.	TCVN 4199:2012
62.	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012
63.	Xác định độ chặt đầm nén tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012;TCVN 12790:2020
64.	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012
65.	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR)- Trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020 22TCN 332:2006
66.	Xác định hệ số thấm K của đất	TCVN 8723:2012 ASTM D2434-00
67.	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời trong phòng thí nghiệm, xác định đặc trưng-tan rã của đất	TCVN 8718:2012
68.	Xác định đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:2012
69.	Xác định đặc trưng co ngót của đất	TCVN 8720:2012
70.	Xác định các đặc trưng lún ướt của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 8722:2012
71.	Xác định góc nghi tự nhiên của đất rời trong phòng thí nghiệm	TCVN 8724:2012

72.	Xác định độ ẩm, hàm lượng tro, chất hữu cơ của than bùn và đất	TCVN 8726:2012
73.	Xác định sức chống cắt của đất hạt mịn xây dựng công trình thủy lợi	TCVN 8725:2012
74.	Xác định tổng hàm lượng và hàm lượng các ion thành phần muối hòa tan của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 8727:2012
75.	Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông	ASTMD2166-01 BS1377-P7:99
76.	Thí nghiệm sức kháng cắt của đất dính trên thiết bị nén ba trục	TCVN 8868:2011 ASTM D 2850 ASTM D 4767
77.	Đất, đá dăm dùng trong công trình giao thông – Đầm nén Proctor	TCVN 12790:2020
78.	Đá xây dựng- Phương pháp xác định độ ẩm độ hút nước trong phòng thí nghiệm	TCVN 10321:2014
79.	Đá xây dựng- Phương pháp xác định khối lượng thể tích trong phòng thí nghiệm	TCVN 10322:2014
80.	Đá xây dựng- Phương pháp xác định độ bền cắt trong phòng thí nghiệm	TCVN 10323:2014
81.	Đá xây dựng- Phương pháp xác định độ bền nén trong phòng thí nghiệm	TCVN 10324:2014
82.	Đầm nén đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	22TCN333:2006
VII	HIỆN TRƯỜNG	
83.	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao dai	22TCN 02:1971 TCVN 4202:2012 TCVN 12791:2020
84.	Độ ẩm; Khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22TCN 346:2006 TCVN 8728:2012 TCVN 8729:2012 TCVN 8730:2012
85.	Xác định modul đàn hồi "E" nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011 22TCN 335:06
86.	Xác định môđun đàn hồi "E" chung của áo đường bằng cần Ben kelman	TCVN 8867:2011
87.	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011
88.	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011
89.	Đo điện trở nổi đất	TCVN 9385:2012
90.	Thí nghiệm nén tĩnh cọc bê tông cốt thép (phương pháp thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục)	TCVN 9393:2012
91.	Thí nghiệm CBR hiện trường	TCVN 8821:2011 ASTM D4429:09
92.	Bê tông nặng - Phương pháp thử không phá hủy - Xác định cường độ nén sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy	TCVN 9335:2012 TCVN 9357:2012
93.	Kết cấu bê tông cốt thép - Phương pháp điện từ xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:2012
94.	Kiểm tra khả năng ăn mòn của cốt thép	TCVN 9348:2012
95.	Xác định cường độ bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012
96.	Xác định mô đun biến dạng hiện trường bằng tấm nén phẳng (nén tải trọng tĩnh bằng tấm ép phẳng)	TCVN 9354:2012
97.	Thí nghiệm cắt cánh (FVT) hiện trường	22 TCN 355-06 TCVN 10184:2021
98.	Thí nghiệm biến dạng nhỏ (PIT)	TCVN 9397:2012 ASTM D5882-00
99.	Thí nghiệm cọc bằng phương pháp biến dạng lớn (PDA)	TCVN 11321:2016

		ASTM D4945:2000
100.	Cọc khoan nhồi - Xác định tính đồng nhất của bê tông - Phương pháp xung siêu âm	TCVN 9396:2012 ASTM D6760-02
101.	Kiểm tra độ thẳng thành vách cọc khoan nhồi	TCVN 9395:2012
102.	Siêu âm thành vách hố khoan cọc khoan nhồi	TCVN 9395:2012
103.	Thí nghiệm xuyên tĩnh (CPT)	TCVN 9352:2012
104.	Thí nghiệm xuyên động (DCP)	ASTM D6951:2003
105.	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:2012
106.	Thành phần hạt của đất trong điều kiện hiện trường	22 TCN 66:1984
107.	Xác định độ thấm nước của đất bằng đồ nước hố đào, hố khoan	TCVN 8731:2012
108.	Xác định độ thấm nước của đá bằng phương pháp ép nước vào hố khoan	TCVN 9149:2012
109.	Xác định sức chịu tải của đất, Cát đắp nền	ASTM D1194:1994
110.	Ống bê tông cốt thép: Kiểm tra khuyết tật ngoại quan, sai lệch kích thước, chiều dày lớp bê tông bảo vệ cốt thép, độ vuông góc của ống, khả năng chịu tải, mối liên kết, cường độ bê tông, độ thấm nước	TCVN 9113:2012 ASTM C76
111.	Cống hộp: Kiểm tra khuyết tật ngoại quan, sai lệch kích thước, chiều dày lớp bê tông bảo vệ cốt thép, độ vuông góc của ống, khả năng chịu tải, mối liên kết, cường độ bê tông, độ thấm nước	TCVN 9116:2012 ASTM C76
112.	Công tác trắc địa trong xây dựng công trình	TCVN 9398:2012
113.	Kiểm tra vết nứt của bê tông bằng phương pháp siêu âm	TCVN 9357:2012
	BENTONITE	
114.	Xác định khối lượng riêng, độ nhớt, hàm lượng cát, tỷ lệ chất keo, lượng mất nước, độ dày áo của sét, độ pH, độ ổn định, lực cắt tĩnh	TCVN 11893:2017 TCVN 9395:2012
	NƯỚC XÂY DỰNG	
115.	Xác định độ PH	TCVN 6492:2011 AASHTO T26-79
116.	Xác định hàm lượng ion clorua (CL)	TCVN 6194:1996 ASTM D512:04
117.	Xác định hàm lượng ion Sunfat	TCVN 6200:1996 ASTM D516:102
118.	Xác định lượng muối hòa tan; Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4560:2012 AASHTO T26-79
119.	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 6186:1996 ISO 8467:1993
120.	Xác định vẩn đục dầu mỡ và màu nước quan sát bằng mắt thường	TCVN 4506:2012
121.	Xác định hàm lượng Natri và kali	TCVN 6193-3:2000
	SƠN	
122.	Xác định độ phủ	TCVN 2095:1993
123.	Sơn - phương pháp không phá hủy xác định chiều dày màng sơn khô	TCVN 9406:2012
124.	Sơn tín hiệu giao thông - Vật liệu kẻ đường phản quang nhiệt dẻo: xác định màu sắc; thời gian khô; khối lượng riêng; độ dính bám; độ mài mòn	TCVN 9791:2018 TCVN 8791:2011 ASTM D6628
125.	Sơn tín hiệu giao thông - Sơn vạch đường hệ dung môi và hệ nước: xác định màu sắc; độ dính bám; độ mài mòn	TCVN 8786:2018
126.	Sơn tường dạng nhũ tương: xác định độ bám dính, độ rửa trôi, chu kỳ nóng lạnh	TCVN 8652:2012
X	GẠCH, NGÓI	
127.	Gạch xây, gạch xi măng lát nền, gạch lát Granito (xác định:	TCVN 6355:2009

	cường độ nén; uốn; độ hút nước; khối lượng thể tích; độ rỗng; lực va đập xung kích; uốn gãy; độ mài mòn; kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan; vết tróc do vôi; sự thoát muối; tải trọng uốn gãy toàn viên; độ cứng lớp mặt)	TCVN 6065:1995 TCVN 6074:1995
128.	Ngói: Xác định tải trọng uốn gãy, độ hút nước, thời gian xuyên nước, khối lượng một mét vuông ngói bão hòa nước	TCVN 4313:1995
129.	Gạch bê tông: Kiểm tra kích thước hình học, khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; độ hút nước; độ thấm nước; độ rỗng	TCVN 6477:2016
130.	Gạch bê tông tự chèn: Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; độ hút nước; độ mài mòn	TCVN 6476:1999
131.	Gạch Terazo: kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan; cường độ nén, uốn; độ hút nước; độ mài mòn	TCVN 7744:2013
XI	GẠCH ÓP LÁT, ĐÁ ÓP LÁT TỰ NHIÊN, NHÂN TẠO	
132.	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6415:2016 TCVN 4732:2016
133.	Xác định độ hút nước	TCVN 6415-3:2016 TCVN 4732:2016
134.	Xác định độ bền uốn	TCVN 6415-4:2016 TCVN 4732:2016
XII	NHŨ TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG GÓC AXIT	
135.	Xác định độ nhớt Saybolt Furol	TCVN 8817-2:2011
136.	Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ	TCVN 8817-3:2011
137.	Xác định hàm lượng hạt quá cỡ	TCVN 8817-4:2011
138.	Xác định diện tích hạt	TCVN 8817-5:2011
139.	Xác định độ khử nhũ	TCVN 8817-6:2011
140.	Thử nghiệm trộn với xi măng	TCVN 8817-7:2011
141.	Xác định độ dính bám và tính chịu nước	TCVN 8817-8:2011
142.	Thử nghiệm chung cất	TCVN 8817-9:2011
143.	Xác định độ bay hơi	TCVN 8817-10:2011
144.	Nhận biết nhũ tương nhựa đường a xít phân tách nhanh	TCVN 8817-11:2011
145.	Nhận biết nhũ tương nhựa đường a xít phân tách chậm	TCVN 8817-12:2011
146.	Xác định khả năng trộn lẫn với nước	TCVN 8817-13:2011
147.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8817-14:2011
148.	Xác định độ bám dính với cốt liệu tại hiện trường	TCVN 8817-15:2011
149.	Xác định hàm lượng chất thu được khi chưng cất	22TCVN 354:06
XIII	NHỰA ĐƯỜNG LỎNG	
150.	Thử nghiệm xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 8818-2:2011
151.	Thử nghiệm xác định hàm lượng nước	TCVN 8818-3:2011
152.	Thử nghiệm chung cất	TCVN 8818-4:2011
153.	Thử nghiệm xác định độ nhớt tuyệt đối	TCVN 8818-5:2011
XIV	NHỰA POLIMER	
154.	Xác định độ nhớt Saybolt Furol; độ ổn định lưu trữ 24 h; % lượng hạt quá cỡ; diện tích hạt; độ khử nhũ; thử nghiệm trộn với xi măng; độ dính bám và tính chịu nước; thử nghiệm chung cất; thử nghiệm bay hơi; xác định độ dính bám với cốt liệu tại hiện trường	TCVN 8816:2011
XV	NHỰA BITUM	
155.	Xác định độ kim lún, Chỉ số độ kim lún PI	TCVN 7495:2005
156.	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005
157.	Xác định nhiệt độ hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:2005
158.	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:2005
159.	Xác định lượng tổn thất sau khi đun nóng	TCVN 7499:2005
160.	Xác định lượng hòa tan của nhựa trong tricloretylen	TCVN 7500:2005

161.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 7501:2005
162.	Xác định độ nhớt động học, nhớt tuyệt đối	TCVN 7502:2005
163.	Xác định hàm lượng paraffin bằng phương pháp chung cất	TCVN 7503:2005
164.	Xác định độ dính bám với đá	TCVN 7504:2005
165.	Xác định độ nhớt của nhựa đường polime (Bảng nhớt kế Brookfield)	22TCN 319-04 ASTM D4402
166.	Xác định độ đàn hồi của polime	22TCN 319-04 ASTM D6084
167.	Xác định độ ổn định lưu trữ của nhựa đường	22TCN 319-04 ASTM D5892
XVI	BÊ TÔNG NHỰA	
168.	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011
169.	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy li tâm	TCVN 8860-2:2011
170.	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011
171.	Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011
172.	Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái đầm nén	TCVN 8860-5:2011
173.	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011
174.	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011
175.	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
176.	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011
177.	Xác định độ rỗng cốt liệu và độ rỗng dư của bê tông nhựa ở trạng thái đầm chặt	TCVN 8860-9:2011 TCVN 8860-10:2011
178.	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
179.	Phương pháp xác định độ góc cạnh của cốt liệu thô	TCVN 11807:2017
180.	Xác định sức kháng trượt của bề mặt đường bằng phương pháp con lăn anh	TCVN 10271:2014
181.	Mô đun đàn hồi, cường độ chịu kéo khi uốn	22 TCN 211:06
XVII	BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA	
182.	Thành phần hạt, độ ẩm, hệ số thích nước	TCVN 12884-2:2020
183.	Xác định: Hình dạng bên ngoài, hàm lượng mất khi nung; hàm lượng nước; khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng; hệ số háo nước; hàm lượng chất hòa tan trong nước;	22TCN 58:1984
184.	Xác định: khối lượng riêng của bột khoáng và nhựa đường; khối lượng thể tích và độ rỗng dư của bột khoáng, chất và nhựa đường; độ trương nở của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường; chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	22TCN 58:1984
XVIII	VỮA XÂY DỰNG	
185.	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022
186.	Xác định độ lưu động của vữa tươi (phương pháp bàn dẫn)	TCVN 3121-3:2022
187.	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022
188.	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:2022
189.	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-09:2022
190.	Xác định Khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2022
191.	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11:2022
192.	Xác định cường độ bám dính của vữa đã đông rắn trên nền	TCVN 3121-12:2022
193.	Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18:2022

Ghi chú (*): - Các tiêu chuẩn kỹ thuật của phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật của phép thử thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.



ISO 9001:2008

CÔNG TY CPTV KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG TRƯỜNG PHÁT

Địa chỉ trụ sở: Số 40, đường Vạn An, Phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An

Địa chỉ VPĐD: Bến Thủy 13, Phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

Tel: 0904.211.345, Email: 57truongphat@gmail.com.

PHẦN III

GIỚI THIỆU NĂNG LỰC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cán cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành
theo quyết định số 1994/QĐ-ĐH ngày 23-11-1990 của
Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường
ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

BẰNG TỐT NGHIỆP
ĐẠI HỌC



loại hình đào tạo : **TAI CHỨC**
ngành : **Kế toán**
hạng : **Trung bình** năm tốt nghiệp : **2004**
và công nhận danh hiệu

CỬ NHÂN KINH TẾ

Số vào sổ

Số hiệu bằng

030476

Nguyễn Hồng Trường

cho

sinh ngày : **18/10/1980** tại : **Nghệ An**

Chữ ký của người được cấp bằng

Hà Nội ngày : **28 tháng 08 năm 2004**

Hiệu trưởng

Khoa trưởng



GS.TS Nguyễn Văn Thường

BỘ XÂY DỰNG
HỌC VIỆN CÁN BỘ QUẢN LÝ
XÂY DỰNG VÀ ĐO THỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG NHẬN

Ông (bà) *Nguyễn Hồng Trường*

Sinh ngày *18-10-1980*

Quê quán *Nghệ An*

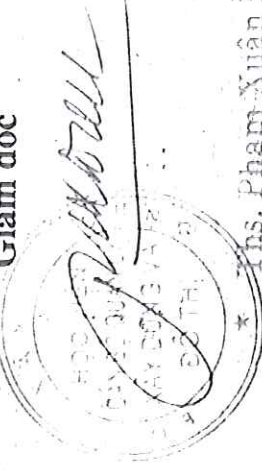
Đã học xong chương trình Tập huấn về "Quản lý
hoạt động phòng thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng"

Hệ *Tập trung* Thời gian *01* ngày (*14/10/2008*)

Từ ngày *.....* / *.....* / *.....* đến ngày *.....* / *.....* / *.....*

Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2008

Giám đốc



Số quyết định: *1129/QĐ-HVCBXD*
ngày *14 tháng 10 năm 2008*

Trs. Phạm Xuân Diệu

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING
SCIENCE AND TECHNOLOGY



Ref. N^o. 7494 /2010/VKH -TH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chứng nhận: Ông **Nguyễn Hồng Trường**

Ngày sinh: **18/10/1980** - Quê quán: **Nghệ An**

Cơ quan: Công ty CP Tư Vấn KĐ XD Trường Phát

Đã hoàn thành chương trình tập huấn về:

**Kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo
an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp
về chất lượng công trình**

Thời gian tổ chức: Từ ngày 29/6 đến ngày 30/6/2010

Tại: Viện Khoa học công nghệ xây dựng

Hà Nội, ngày 14 tháng 7 năm 2010

VIỆN TRƯỞNG

PGS. TS. Cao Duy Tiến

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TỔNG CỤC DẠY NGHỀ

BẰNG NGHỀ

Số hiệu: 000978448

/LĐTĐXH - DN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG

Trường: TRUNG HỌC GIAO THÔNG
VĂN TÀI MIỀN TRUNG

Cấp cho: NGUYỄN HỒNG TRƯỜNG

Sinh ngày: 18/10/1980

Nguyên quán: Thanh Chương-Nghệ An

Nghề đào tạo: Thợ nghiệm VLXD

Từ ngày 05/10/2008 đến ngày 27/03/2008

Đạt trình độ thợ bậc: 3/7

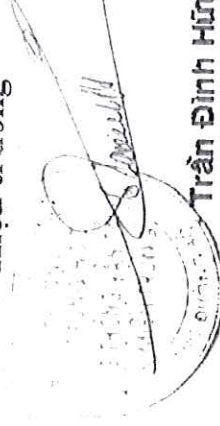
Tốt nghiệp hạng: Khá

Theo quyết định số: 181/QĐ-THGT/MT

Ngày 27... tháng 03... năm 2008.

Nghệ An... ngày 28... tháng 03... năm 2008

Hiệu trưởng



Trần Đình Hữu

Chữ ký của người được cấp bằng

Vào sổ số: 58.....34.TN1
Ngày 28..... tháng 03..... năm 2008.

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

THE RECTOR
OF VINH UNIVERSITY

has conferred

THE DEGREE OF BACHELOR

Accounting

Upon: Ms NGUYEN THI PHUONG THAO

Date of birth: 8 February 1980

Year of graduation: 2012

Degree classification: Average good

Mode of study: PART-TIME

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

cấp

BẰNG CỬ NHÂN

Kế toán

Cho: Bà NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

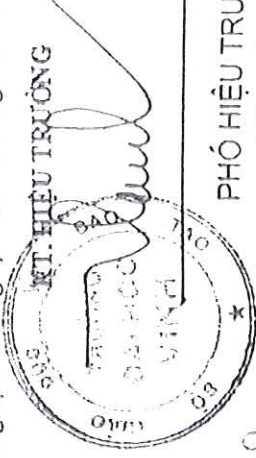
Ngày sinh: 08/02/1980

Năm tốt nghiệp: 2012

Xếp loại tốt nghiệp: Trung bình khá

Hình thức đào tạo: VỮA LÀM VỮA HỌC

Nghệ An, ngày 08 tháng 10 năm 2012



Số hiệu: 360750

Số vào sổ cấp bằng: 165/49KT-DHY

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Thái Văn Thành

Reg. No: 165/49KT-DHY

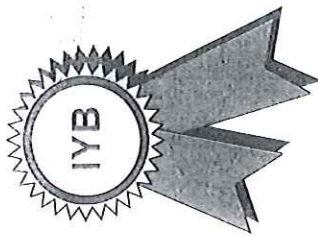


CERTIFICATE OF PARTICIPATION CHỨNG CHỈ THAM DỰ



Nguyễn Thị Dương Thảo

*Has participated successfully in a workshop on
IMPROVE YOUR BUSINESS Modul PRACTICE ACCOUNT
held by Da Nang Small & Medium Enterprises Training Center.*



Đã tham dự thành công chương trình đào tạo

HOÀN THIỆN KHẢ NĂNG KINH DOANH Học phần KẾ TOÁN THỰC HÀNH

do Trung Tâm Đào Tạo Bồi Dưỡng Doanh Nghiệp Tổ Chức.

Đà Nẵng, ngày 07/10/06.

Phùng Quang Huy
National Project Director
Giám đốc dự án quốc gia

SIYB Programme Management

LO Technical Advisor
Cố vấn kỹ thuật ILO



Trung Tâm ĐT&D Doanh nghiệp
NEDCENDANANG
GB. Nguyễn Thanh Ngọc

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TỔNG CỤC DẠY NGHỀ

BẰNG NGHỀ

Số hiệu: 000141594 /LBTEXH-DN



Chữ ký của người được cấp bằng

Yêu số số: 700
Ngày 25 tháng 9 năm 2001

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG

Trưởng: *Đỗ Thuật, và nhiều người
giúp thầy vào từ miền trung*

Cấp cho: *NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO*

Sinh ngày: 27/12/1980

Nguyên quán: *Tĩnh Sơn, Nam Định*

Nghề đào tạo: *Đào nghiệp nấu*

Từ ngày 1/3/00 đến ngày 31/9/2001

Đại trình độ thợ bậc: 3/7

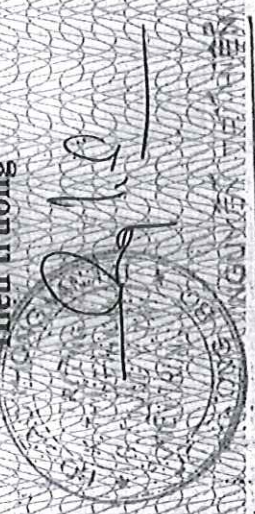
Tốt nghiệp hàng: *Pha*

Theo quyết định số: 247/2001/NĐ

Ngày 3 tháng 9 năm 2001

Ngày 10 ngày tháng 9 năm 2001

Hiệu trưởng



SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



THE RECTOR
OF THE UNIVERSITY OF TRANSPORT AND COMMUNICATIONS

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

has conferred

cấp

THE DEGREE OF ENGINEER

BẰNG KỸ SƯ

In Transport Construction Engineering

Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông

Upon: *Mr. Nguyen Ha Trung*

Cho: *Ông Nguyễn Hà Trung*

Date of birth: *01 January 1990 In: Phu Yen*

Ngày sinh: *01/01/1990 Tại: Phú Yên*

Year of graduation: *2020*

Năm tốt nghiệp: *2020*

Degree classification: *Ordinary*

Xếp loại tốt nghiệp: *Trung bình khá*

Mode of study: *Part-time*

Hình thức đào tạo: *Vừa làm vừa học*

Hanoi, 28 February 2020

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2020

Serial number: *D 005080*

Số hiệu: *D 005080*

Reg. No: *15/K51-NA*

Số vào sổ cấp bằng: *15/K51-NA*

337/QĐ-DHGTVT ngày 28 tháng 02 năm 2020



Nguyễn Văn Ngọc Long

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số hiệu bằng: 793610

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
GIAO THÔNG VẬN TẢI MIỀN TRUNG



BẰNG TỐT NGHIỆP
TRUNG CẤP NGHỀ

Cho: NGUYỄN HÀ TRUNG

Ngày sinh: 01/01/1990

Nơi sinh: Phú Yên

Nghề đào tạo: Thí nghiệm vật liệu xây dựng

Khoá học từ tháng: 10.2008 đến tháng 03.2010

Tốt nghiệp loại: *Trung bình khá*
Nghệ An, ngày 28 tháng 03 năm 2010

Chữ ký của người được cấp bằng.

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)



Vào sổ cấp bằng số: 793610TN
Ngày 28 tháng 03 năm 2010

HS. Trần Đình Hữu

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
INSITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR
TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITEM)



It is hereby certified that:
Mr/Mrs: NGUYEN HA TRUNG
Has successfully passed Training Course on
Laboratory management
In December 2019

Ref. N°: 9565-48251B/VNED-TNV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI

CHỨNG NHẬN

Ông/Bà: NGUYỄN HÀ TRUNG

Ngày sinh: 01 - 01 - 1990

Thường trú: Nghệ An

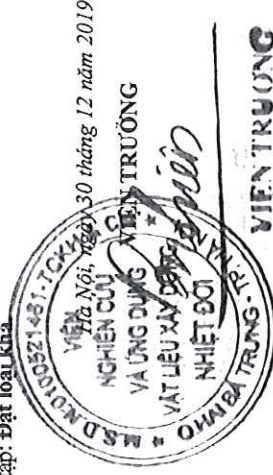
Đã hoàn thành chương trình đào tạo về:

Quản lý phòng thí nghiệm

Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu Xây dựng Nhiệt Đới
Trường Đại học Xây Dựng tổ chức.

Thời gian đào tạo: Tháng 12 năm 2019

Kết quả học tập: Đạt loại khá



VIỆN TRƯỞNG

PGS.TSKH. *And Dục Kiên*

VIỆN QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ESC VIỆT NAM
Management Training Institute ESC Viet Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG NHẬN
BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ
ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO AN TOÀN CHỮ LỰC
VÀ SỰ PHÙ HỢP VỀ CLCTXD

Chứng nhận: Ông (Bà).....NGUYỄN.HÀ.TRUNG.....
Ngày sinh: 01/01/1990. Quê quán:..... NGHỆ AN.....
Thẻ CCCD/Hộ chiếu:..... 040990043722.....

Đã hoàn thành

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ
Đủ điều kiện đảm bảo an toàn chữ lực và sự phù hợp về CLCTXD

Tổ chức từ ngày 12/07/2025... đến ngày 14/07/2025.....
Kết quả xếp loại: **Khá**

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2025

GIÁM ĐỐC



Lê Trần Thăng



Số: M020/2025/ATCL

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

RECTOR

UNIVERSITY OF TRANSPORT AND COMMUNICATIONS

has conferred

THE DEGREE OF ENGINEER

Bridge and Highway Engineering

Upon: *Mr Nguyen Van Linh*

Date of birth: 02 November 1987 In: Nghe An

Year of graduation: 2013

Degree classification: *Average good*

Mode of study: *Full-time*

Hanoi, 14 May 2013

Reg. No: 31/K14NA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

cấp

BẰNG KỸ SƯ

Xây dựng Cầu - Đường

Cho: *Ông Nguyễn Văn Linh*

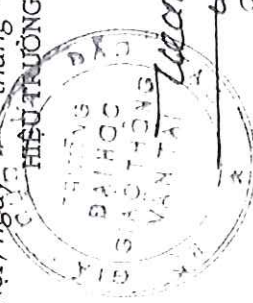
Ngày sinh: 02/11/1987 Tại: Nghệ An

Năm tốt nghiệp: 2013

Xếp loại tốt nghiệp: *Trung bình khá*

Hình thức đào tạo: *Chính quy*

Hà Nội, ngày 14 tháng 05 năm 2013

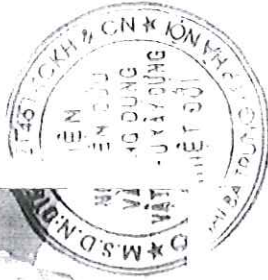


Số hiệu: 155107

Số vào sổ cấp bằng: 31/K14NA

PGS.TS. Trần Đức Sĩ

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
INSTITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR
TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITBM)



It is here by certified that:
Mr: Nguyen Van Linh
Has successfully passed Training Course on
Management of Laboratory
in February 2018

Ref. N°: 01/2018/TNVL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI

CHỨNG NHẬN

Ông: Nguyễn Văn Linh

Ngày sinh: 02 - 11 - 1987

Thường trú: Nghệ An

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:
Quản lý phòng thí nghiệm

Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu Xây dựng Nhiệt Đới
Trường Đại Học Xây Dựng tổ chức.

Thời gian đào tạo: Tháng 02 năm 2018

Kết quả học tập: Đạt loại khá.



VIỆN TRƯỞNG

PGS.TSKH. Bạch Đình Chiêm

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG
TRUNG TÂM VẬT LIỆU XÂY DỰNG NHIỆT ĐỚI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
VẬT LIỆU XÂY DỰNG NHIỆT ĐỚI



Chữ ký của người được cấp
giấy chứng nhận

CHUNG NHẬN

Ông (Bà): Nguyễn Văn Tuấn
Sinh ngày: 02/11/1987
Quê quán: Cát Lành
Đoàn Trường Sĩ Quan Dự Bị
Đã tham dự khóa đào tạo Chuyên ngành Vật liệu
Xây dựng - Bộ Tổng Nhu cầu Bộ Tổng Nhu cầu
Đoàn Sĩ Quan Dự Bị Sĩ Quan Dự Bị
Từ: 08/04 đến 08/05/2010

Kết quả học tập đạt loại: Khá
Hà Nội ngày: 12 tháng 05 năm 2010



Số: 09/QĐ.ĐT

PGS.TSKH. Bach Đình Chiến
GIÁM ĐỐC

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

RECTOR

UNIVERSITY OF TRANSPORT AND COMMUNICATIONS

has conferred

THE DEGREE OF ENGINEER

Transport Construction Engineering

Upon: *Mr. Nguyen Sinh Dat*

Date of birth: *21 March 1978 In: Nghe An*

Year of graduation: *2016*

Degree classification: *Ordinary*

Mode of study: *Part-time*

Hanoi, 10 March 2016

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

cấp

BẰNG KỸ SƯ

Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông

Cho: *Ông Nguyễn Sinh Đạt*

Ngày sinh: *21/03/1978 Tại: Nghệ An*

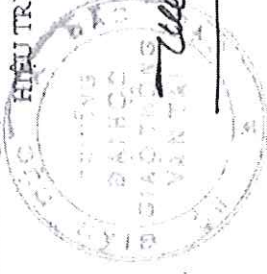
Năm tốt nghiệp: *2016*

Xếp loại tốt nghiệp: *Trung bình*

Hình thức đào tạo: *Vừa làm vừa học*

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2016

HIỆU TRƯỞNG



Số hiệu: *244440*

Số vào sổ cấp bằng: *8/K47NA*

Reg. No: *8/K47NA*

573/QĐ-ĐHGTVT 10/03/2016

PGS.TS Trần Văn Thọ



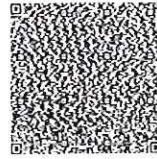
Chức vụ: Phó người được cấp chứng chỉ

Thông tin của người được cấp chứng chỉ :

- Số CMTND (hoặc hộ chiếu): 182178746
cấp ngày 17/09/2011 tại CA-Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Trung cấp - Cầu đường-đường bộ.

Số chứng chỉ :

GS2-281-04740



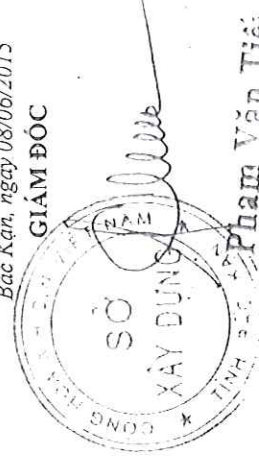
SỞ XÂY DỰNG TỈNH BẮC KẠN

- Cấp cho Ông: **NGUYỄN SINH ĐẠT**
 - Ngày tháng năm sinh: 21/03/1978
 - Địa chỉ thường trú: Khố Tân Hòa, P. Vĩnh Tân, TP. Vinh, Nghệ An
 - Được phép hành nghề hoạt động xây dựng:
- Giám sát công tác XD-HT công trình cấp IV:
1. Xây dựng dân dụng, công nghiệp./.
 2. Giao thông (Cầu, đường bộ)/.
 3. Thủy lợi./.

Chứng chỉ có giá trị trên phạm vi toàn quốc đến ngày:
08/06/2020

Bắc Kạn, ngày 08/06/2015

GIÁM ĐỐC



Phạm Văn Tiến

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

**THE RECTOR OF THE
HANOI UNIVERSITY OF CIVIL ENGINEERING**

has hereby conferred

CERTIFICATE



**Upon Mr. NGUYEN SINH DAT
Born on 21 March 1978**

For successful completion of the training course entitled
Testing of Materials for Transportation Works

Held in March 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI**

cấp

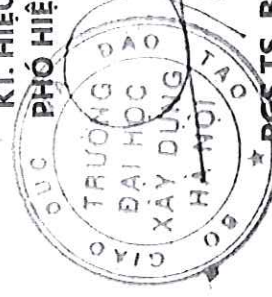
CHỨNG NHẬN

Ông NGUYỄN SINH ĐẠT
Sinh ngày 21 tháng 03 năm 1978

Đã hoàn thành Chương trình đào tạo ngắn hạn
Thí nghiệm vật liệu công trình giao thông
Khóa tháng 03 năm 2026

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2026

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS.TS. Bùi Phú Doanh

Số: 0169/TNVL2026-ĐHXDHN
Số vào sổ cấp chứng nhận: 2026/CN/0539

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



THE UNIVERSITY OF DANANG
DANANG UNIVERSITY OF TECHNOLOGY

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

hereby confers the degree of

University Graduation

(Engineer in Bridge and Road Construction)

cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

upon:

Date of birth: 28/11/1986 Sex:

Place of birth: Nghe An

Ethnic group: Nationality: Viet Nam

Mode of training: Full - time

Graduation year: 2010

và công nhận danh hiệu: Kỹ sư

ngành: Xây dựng Cầu Đường

hình thức đào tạo: Chính quy

năm tốt nghiệp: 2010 xếp loại: TB Khá

theo quyết định số: 39/ĐHBK-ĐT ngày 25/01/2010

Lê Lam Giang

CHUNG THỨC BẢN SẪU
ĐÚNG VỚI NGÀY SINH 28/11/1986 tại: Nghệ An

NGÀY 14/01/2022 dân tộc: Việt Nam

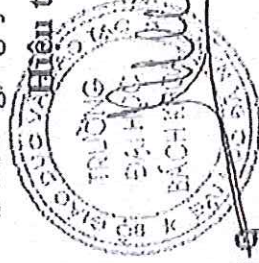
quốc tịch: Việt Nam



Số chứng thư: 12/ Quyển số: SC1895
CHỦ TỊCH ỦY BAN PHƯƠNG BÊN THỤY

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 03 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA
CHỦ TỊCH ỦY BAN PHƯƠNG BÊN THỤY



Số hiệu: 01.1899

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA
CHỦ TỊCH ỦY BAN PHƯƠNG BÊN THỤY

PGS.TS. TRẦN VĂN NAM



GIẤY CHỨNG NHẬN HUẤN LUYỆN
AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG

HỘI DUNG HUẤN LUYỆN

(Chương trình khung huấn luyện được xây dựng, theo Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ)

Số: 170/N2/2025

1. Hệ thống chính sách, pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động;
2. Nghiệp vụ công tác an toàn, vệ sinh lao động
3. Nội dung huấn luyện chuyên ngành

1. Họ và tên: **LÊ LAM GIANG**
2. Nam/Nữ: **NAM**
3. Ngày, tháng, năm sinh: **28/11/1986**
4. Quốc tịch: **VIỆT NAM** Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: **040086012211**
5. Chức vụ: **CÁN BỘ KỸ THUẬT**
Đội tương: **NHÓM 2**

6. Đơn vị công tác: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG TRƯỜNG PHÁT**

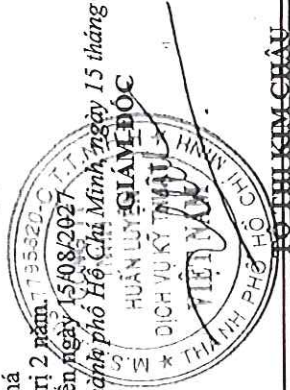
7. Đã hoàn thành khóa huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động

Được tổ chức từ ngày 08/08/2025 đến ngày 14/08/2025

8. Kết quả đạt loại: **Khá**

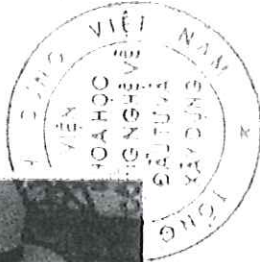
9. Chứng nhận có giá trị 2 năm
Từ ngày 15/08/2025 đến ngày 15/08/2027

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2025



HỒ ĐÌNH KIM CHÁU

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÈ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
SCIENCE - TECHNOLOGY INSTITUTE FOR
INVESTMENT AND CONSTRUCTION



Ref. No: 2023/GT1-054/VKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÈ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

CHỨNG NHẬN

Bà : **YUONG THI HOA**

Ngày sinh : 20/01/1988

Quê quán : Nghệ An

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thi nghiệm về:

Thi nghiệm Vật liệu công trình giao thông

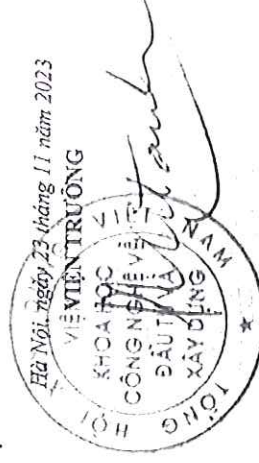
Do Viện Khoa học Công nghệ về Đầu tư và Xây dựng tổ chức

Thời gian đào tạo: Từ 11/11/2023 đến 19/11/2023

Kết quả học tập: Đạt loại Khá

Hà Nội, ngày 23 tháng 11 năm 2023

VIỆN TRƯỞNG



VIỆN TRƯỞNG

T.S. Phùng Vũ Việt Anh

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

THE RECTOR OF THE
HANOI UNIVERSITY OF CIVIL ENGINEERING

has hereby conferred

CERTIFICATE



Upon Ms. VUONG THI HOA
Born on 20 January 1988

For successful completion of the training course entitled
Chemical analysis of aggregates and water
used in concrete and mortar
Held in March 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI

cấp

CHỨNG NHẬN

Bà VƯƠNG THỊ HÒA
Sinh ngày 20 tháng 01 năm 1988

Đã hoàn thành Chương trình đào tạo ngắn hạn
Phân tích hoá học cốt liệu và nước
dùng cho vữa và bê tông
Khóa tháng 03 năm 2026

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2026

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Bùi Phú Doanh

Số: 0056/HH2026-DHXDHN

Số vào sổ cấp chứng nhận: 2026/CN/0399

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

THE PRESIDENT OF
NATIONAL ECONOMICS UNIVERSITY

has conferred

THE DEGREE OF BACHELOR
ACCOUNTING

Upon: *M* NGUYEN THI HONG THO

Date of birth: 16 March 1983

Year of graduation: 2013

Degree classification: Average good

Mode of study: Part-time

Hanoi, 22 January 2013

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

cấp

BẰNG CỬ NHÂN
KẾ TOÁN

Cho: *B* NGUYỄN THỊ HỒNG THO

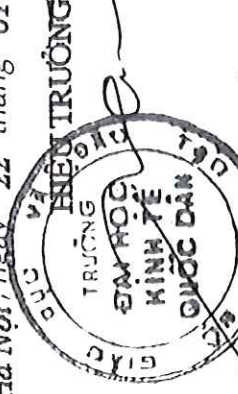
Ngày sinh: 16-03-1983

Năm tốt nghiệp: 2013

Xếp loại tốt nghiệp: Trung bình khá

Hình thức đào tạo: Văn bằng 2, Vừa làm vừa học

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2013



Số hiệu: 428262

Reg. No: 63698

Số vào sổ cấp bằng: 63698

B TS. Nguyễn Văn Nam

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING
SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:

Mr. Luong Anh Tuan

Has successfully passed the Training Course on
**Field and Laboratory Testing Methods for
Determining the Physico-Mechanical
Properties of Soils**

In October 2010

Ref. N°: 8044 /2010/VKH -TNXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chứng nhận: Ông **Luong Anh Tuan**

Ngày sinh: 16/7/1990 - Quê quán: Nghệ An

Cơ quan:

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

**Phương pháp xác định các tính chất cơ-lý của
đất bằng phòng và hiện trường**

Thời gian: Từ ngày 12/10/2010 đến 02/11/2010

Địa điểm: Viện Khoa học công nghệ Xây dựng

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2010

VIỆN TRƯỞNG

PGS. TS. Cao Duy Tiến

VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO VÀ THÔNG TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO VÀ THÔNG TIN

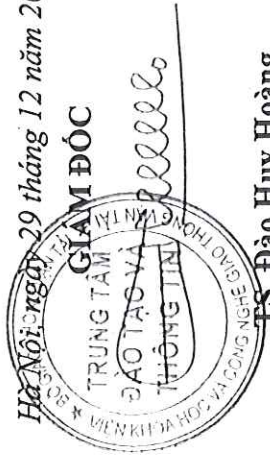


(Chữ ký của người được cấp)

Chúng nhận ông/bà: *Lương Anh Tuấn*
Ngày sinh: 16 / 07 / 1990
Nơi thường trú: Nghệ An
Đã hoàn thành chương trình: *Đào tạo lại một số phép
thủ thông thường dành cho thí nghiệm viên
(theo Đề án "Tăng cường năng lực kiểm định chất
lượng công trình xây dựng ở Việt Nam")*
Tổ chức từ ngày 22/12/2014 đến ngày 26/12/2014

Tại: **Tỉnh Nghệ An**
Xếp loại: **Khá**

Hà Nội ngày 29 tháng 12 năm 2014



Số CMT (hoặc hộ chiếu): 186904529
Ngày cấp: 28/6/2007 Nơi cấp: Nghệ An
Quốc tịch: Việt Nam
Số: 24.K3/ĐTTNV

TS. Đào Huy Hoàng

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
INSITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR
TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITBM)



It is here by certified that:
Mr/Mrs: **NGUYEN DINH LUC**
Has successfully passed Training Course on
Experimental specialist in building materials
In December 2021

Ref. No: 8063-43697B/VND-TNV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI

CHỨNG NHẬN

Ông/Bà: **NGUYỄN ĐÌNH LỰC**

Ngày sinh: 15 - 05 - 1997

Thường trú: Nghệ An

Đã hoàn thành chương trình đào tạo về:

Thí nghiệm viên chuyên ngành vật liệu xây dựng

Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu Xây dựng Nhiệt Đới

Trường Đại Học Xây Dựng tổ chức.

Thời gian đào tạo: Tháng 12 năm 2021

Kết quả học tập: **Đạt loại khá.**



VIỆN TRƯỞNG :

PGS.TSKH. Bạch Đình Thiện

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
INSTITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR
TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITEM)



It is here by certified that:
Mr/Mrs. NGUYEN VIET HIEN
Has successfully passed Training Course on
Experimental specialist in building materials
In March 2020

Ref. No.: 16387-416389B/VND-TNV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP
VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI

CHỨNG NHẬN

Ông: NGUYỄN VIỆT HIỆN
Ngày sinh: 01 - 10 - 1997
Thường trú: Nghệ An

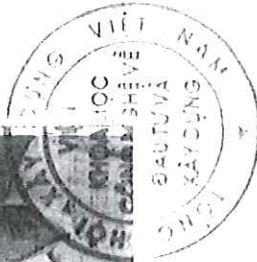
Đã hoàn thành chương trình đào tạo về:
Thí nghiệm viên chuyên ngành vật liệu xây dựng
Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu Xây dựng Nhiệt Đới
Trường Đại Học Xây Dựng tổ chức.
Thời gian đào tạo: Tháng 03 năm 2020
Kết quả học tập: Đạt loại khá.



VIỆN TRƯỞNG

PGS.TSKH. Bạch Đình Thiện

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VỀ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
SCIENCE - TECHNOLOGY INSTITUTE FOR
INVESTMENT AND CONSTRUCTION



Ref. N°: 2023/GT1-058/VKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VỀ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

CHỨNG NHẬN

Ông : TRẦN VĂN HOÀI
Ngày sinh : 25/10/1983
Quốc tịch : Nghệ An
Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

Thí nghiệm Vật liệu công trình giao thông

Do Viện Khoa học Công nghệ về Đầu tư và Xây dựng tổ chức
Thời gian đào tạo: Từ 11/11/2023 đến 19/11/2023
Kết quả học tập: Đạt loại Khá



TS. Phùng Vũ Việt Anh

VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO VÀ THÔNG TIN



(Chữ ký của người được cấp)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO VÀ THÔNG TIN

Chứng nhận ông/bà: *Nguyễn Cảnh Vinh*

Ngày sinh: 28 / 04 / 1991

Nơi thường trú: *Nghệ An*

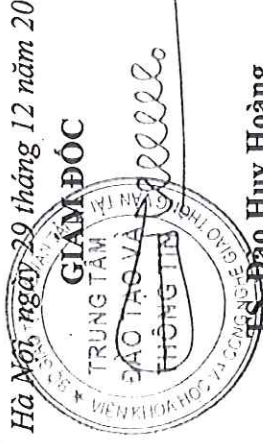
Đã hoàn thành chương trình: *Đào tạo lại một số phép thử thông thường dành cho thí nghiệm viên (theo Đề án "Tăng cường năng lực kiểm định chất lượng công trình xây dựng ở Việt Nam")*

Tổ chức từ ngày 22/12/2014 đến ngày 26/12/2014

Tại: *Tỉnh Nghệ An*

Xếp loại: *Khá*

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2014



Số CMT (hoặc hộ chiếu): 187065429
Ngày cấp: 14/10/2008 Nơi cấp: Nghệ An
Quốc tịch: Việt Nam
Số: 26.K3/ĐTTNV

VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO VÀ THÔNG TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO VÀ THÔNG TIN



Chứng nhận ông/bà: *Nguyễn Văn Hậu*

Ngày sinh: 16/11/1986

Nơi thường trú: *Nghệ An*

Đã hoàn thành chương trình: Đào tạo lại một số phép
thử thông thường dành cho thí nghiệm viên
(theo Đề án "Tăng cường năng lực kiểm định chất
lượng công trình xây dựng ở Việt Nam")

Tổ chức từ ngày 22/12/2014 đến ngày 26/12/2014

Tại: *Tỉnh Nghệ An*

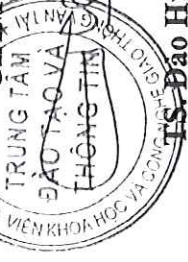
Xếp loại: *Khá*

(Chữ ký của người được cấp)

Số CMT (hoặc hộ chiếu): 186760205
Ngày cấp: 12/11/2011 Nơi cấp: Nghệ An
Quốc tịch: Việt Nam
Số: 25.K3/ĐTTNV

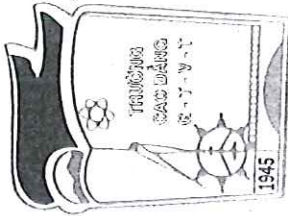
Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2014

GIÁM ĐỐC



TS. Đào Huy Hoàng

THE COLLEGE OF TRANSPORT



It is hereby certified that:

Mr: Le Cao Khanh

Has successfully passed Training Course on

Assessment of transport Construction quality

Including: Estate; Contruction materials;

Bitum and Atphan concrete

In July 2009

Final classification: **Good**

Ref. N^o: 0106/1427/QĐ-CĐGTVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ Quyết định số 1336/QĐ - BGTVT, ngày 13 tháng 5 năm 2008 của Bộ Giao thông vận tải về việc giao cho Trường Cao đẳng GTVT đào tạo ngắn hạn Thí nghiệm viên và Bồi dưỡng nghiệp vụ thí nghiệm kiểm tra chất lượng công trình giao thông.

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI
CHỨNG NHẬN

Ông (Bà): *Lê Cao Khanh*

Sinh ngày: 15/01/1985

Nơi sinh: Thái Bình

Đã hoàn thành chương trình đào tạo

Thí nghiệm viên kiểm tra chất lượng công trình giao thông
Gồm 3 lĩnh vực:

"Đất xây dựng; Vật liệu xây dựng; Bitum và Bê tông Atphan"

Khóa học: Tháng 7 năm 2009 - Tốt nghiệp loại: **Khá**
Hà Nội, ngày 03 tháng 08 năm 2009

HIỆU TRƯỞNG



Đỗ Ngọc Viện



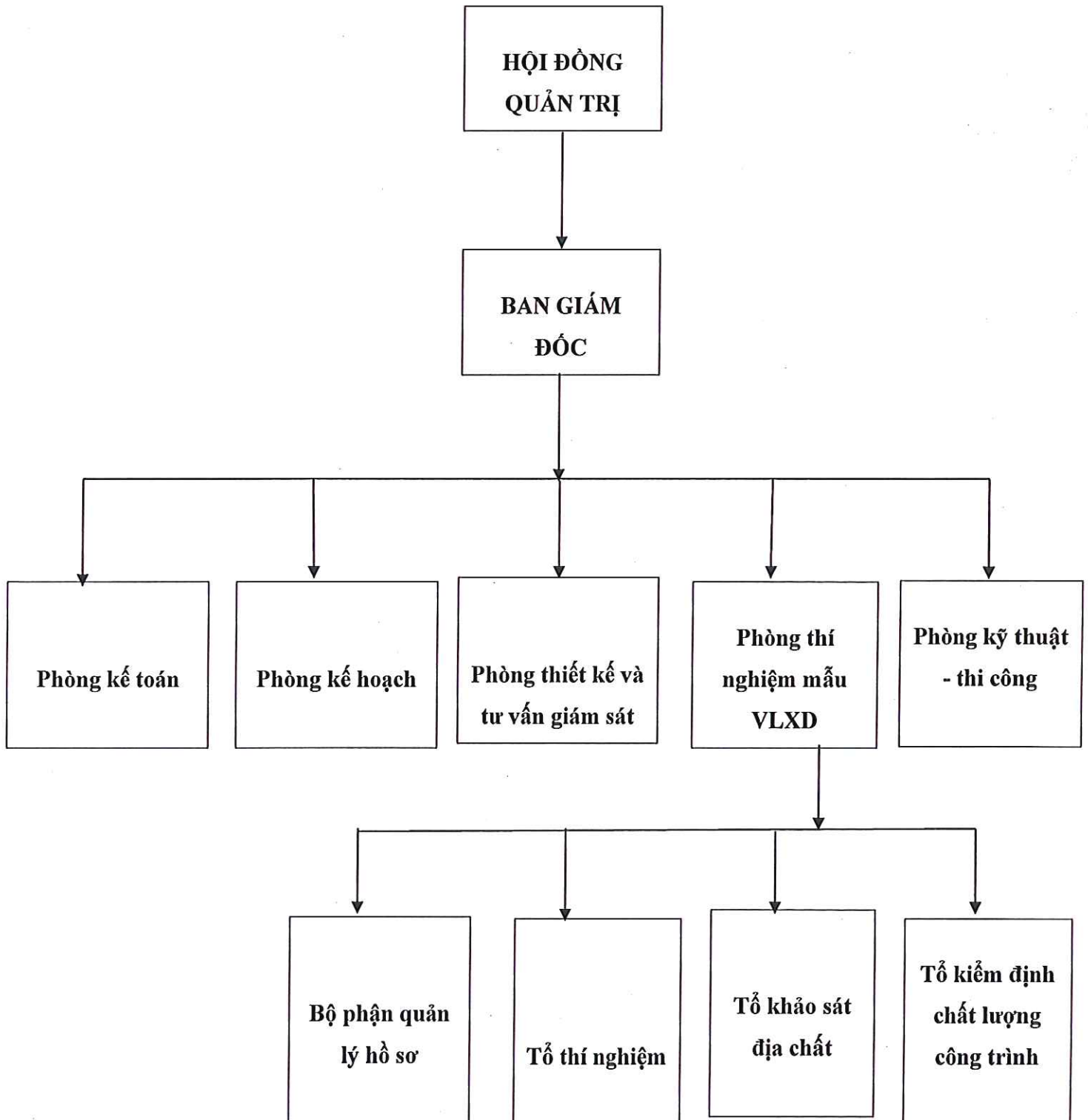
CÔNG TY CPTV KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG TRƯỜNG PHÁT

Địa chỉ trụ sở: Số 40, đường Vạn An, Phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An

Địa chỉ VPĐD: Bến Thủy 13, Phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

Tel: 0904.211.345, Email: 57truongphat@gmail.com.

I. SƠ ĐỒ TỔ CHỨC





ISO 9001:2008

CÔNG TY CPTV KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG TRƯỜNG PHÁT

Địa chỉ trụ sở: Số 40, đường Vạn An, Phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An

Địa chỉ VPDD: Bến Thủy 13, Phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

Tel: 0904.211.345, Email: 57truongphat@gmail.com.

II. NHÂN LỰC

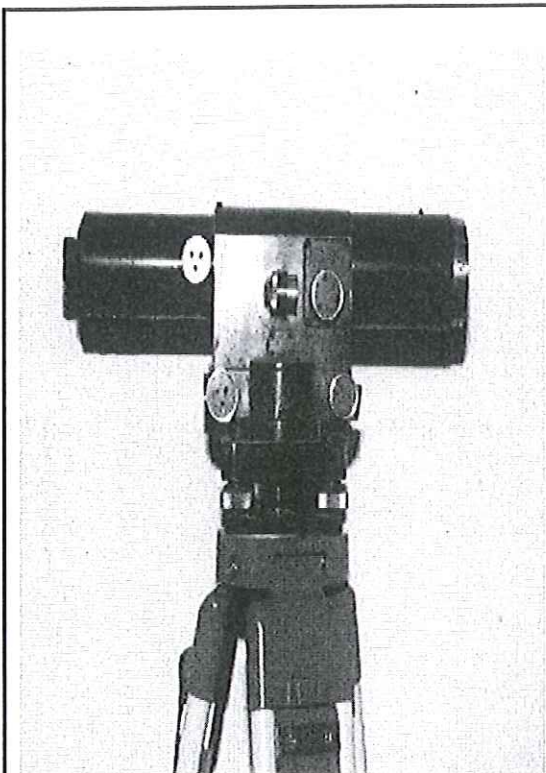
1. Danh sách cán bộ, nhân viên và máy móc trang thiết bị:

1.1 Danh sách cán bộ, nhân viên:

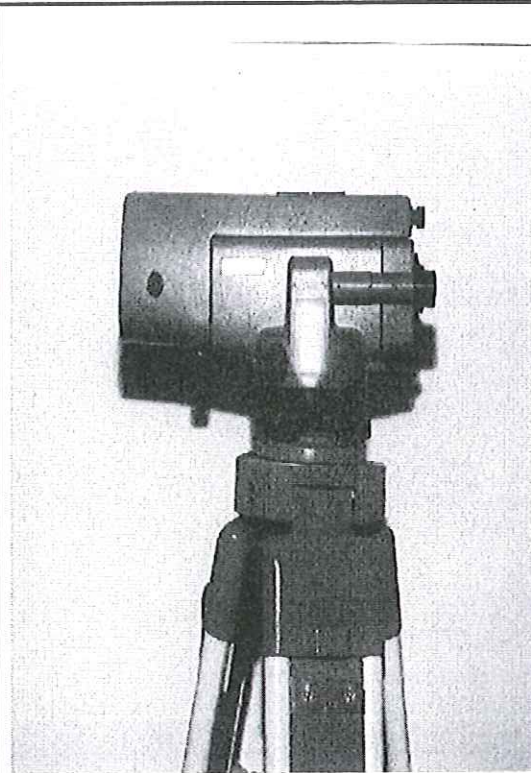
TT	Bộ phận Công ty	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Trình độ chuyên môn
1	BAN LÃNH ĐẠO	Nguyễn Hồng Trường	1980	Chủ tịch HĐQT	Cử nhân kinh tế
2		Nguyễn Phương Thảo	1980	Giám đốc	Cử nhân kinh tế
1	PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN	Nguyễn Hồng Thơ	1983	Kế toán	Cử nhân kinh tế
2		Vương Thị Hòa	1988	Kế toán	Cử nhân kinh tế
1	TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM	Nguyễn Hà Trung	1990	Trưởng Phòng	Kỹ sư xây dựng
2		Nguyễn Văn Linh	1987	Kỹ thuật viên	Kỹ sư xây dựng
3		Nguyễn Sinh Đạt	1978	Kỹ thuật viên	Kỹ sư xây dựng
4		Lê Lam Giang	1986	CB. Kỹ thuật	Kỹ sư xây dựng
5		Nguyễn Văn Hậu	1986	Kỹ thuật viên	Kỹ sư xây dựng
6		Vương Thị Hòa	1988	Kỹ thuật viên	Trung cấp
7		Nguyễn Thị Phương Thảo	1980	Kỹ thuật viên	Trung cấp
8		Nguyễn Cảnh Vinh	1991	Kỹ thuật viên	Trung cấp
9		Trần Văn Hoài	1983	Kỹ thuật viên	Trung cấp
10		Lương Anh Tuấn	1990	Kỹ thuật viên	Trung cấp
11		Nguyễn Đình Lực	1997	Kỹ thuật viên	Trung cấp
12		Nguyễn Viết Hiến	1997	Kỹ thuật viên	Trung cấp
1	BỘ PHẬN KỸ THUẬT - CHUYÊN GIA	Nguyễn Xuân Phong	1978	Nhân viên	Kỹ sư xây dựng
2		Đình Lâm Tới	1980	Nhân viên	Kỹ sư xây dựng

2,3	Khuôn đúc mẫu bê tông 15x15x15 liên 3	Bộ	106	Việt Nam
2,4	Khuôn đúc mẫu bê tông 20x20x20	Cái	9	Việt Nam
2,5	Khuôn đúc mẫu bê tông hình trụ 15x15	Cái	30	Việt Nam
2,6	Khuôn đúc mẫu bê tông uôn 15x15x30	Cái	9	Việt Nam
3	Thí nghiệm xi măng & vữa			
3,1	Sàng tiêu chuẩn xác định độ mịn bột xi măng	Cái	3	Trung Quốc
3,2	Bình tỷ trọng Le chatelier 250ml	Cái	5	Trung Quốc
3,3	Bộ Vica thí nghiệm xi măng	Cái	3	Trung Quốc
3,4	Khuôn Le chatelier xác định thể tích xi măng	Cái	9	Trung Quốc
3,5	Bản dẫn xác định hàm lượng nước của xi măng	Cái	3	Việt Nam
3,6	Nồi hấp mẫu xi măng	Cái	3	Việt Nam
3,7	Máy dẫn vữa xi măng	Cái	3	Trung Quốc
3,8	Khuôn đúc mẫu 40x40x160mm	Cái	3	Trung Quốc
3,9	Dụng cụ gá uôn mẫu 40x40x160mm	Cái	3	Trung Quốc
3,1	Dụng cụ gá nén mẫu 40x40mm	Cái	3	Trung Quốc
4	Thí nghiệm cốt liệu			
4,1	Bình xác định hàm lượng bụi bùn sét của cát	Cái	3	Việt Nam
4,2	Bảng so màu Việt Nam	Cái	3	Việt Nam
4,3	Bếp cách cát	Cái	5	Trung Quốc
4,4	Bộ khuôn nén đập trong xi lanh của đá D75	Bộ	3	Việt Nam
4,5	Bộ khuôn nén đập trong xi lanh của đá D150	Bộ	3	Việt Nam
4,6	Bộ thùng đong xác định KLTT xốp của vật liệu	Bộ	3	Việt Nam
4,7	Phễu xác định khối lượng thể tích xốp của đá	Cái	2	Việt Nam
4,8	Phễu xác định khối lượng thể tích xốp của cát	Cái	2	Việt Nam
4,9	Thùng xác định hàm lượng bụi bùn sét của đá	Cái	3	Việt Nam

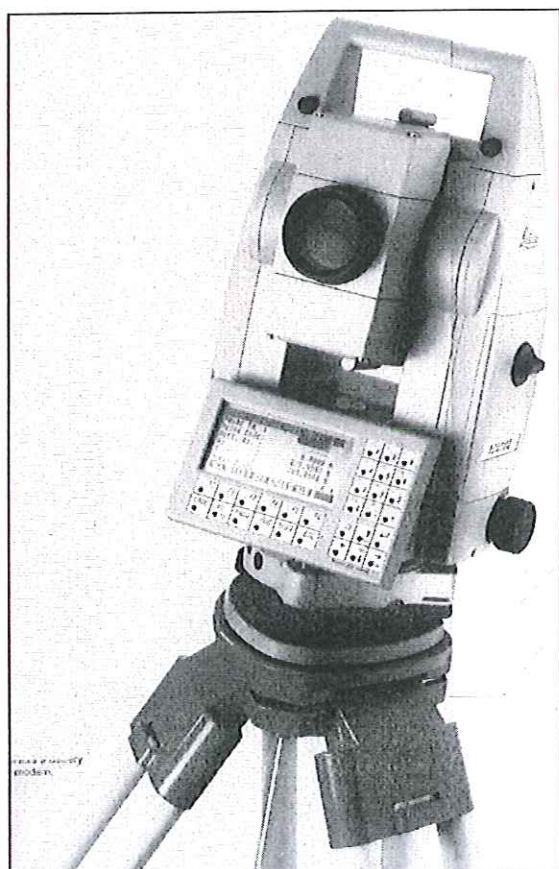
7,2	Thước 3 mét xác định độ bằng phẳng mặt đường	Bộ	3	Trung Quốc
7,3	Bộ dao đai xác định dung trọng hiện trường	Bộ	10	Trung Quốc
7,4	Cần Benkelman xác định Mô đun đàn hồi mặt đường	Bộ	3	Việt Nam
7,5	Bộ ép tĩnh sử dụng kết hợp với cần Benkelman	Bộ	3	Việt Nam
7,6	Dụng cụ xác định độ nhám mặt đường theo PP rót cát	Bộ	5	Việt Nam
7,7	Bộ kích nén tĩnh cọc	Bộ	1	Trung Quốc
8	Thí nghiệm nhựa & bột khoáng			
8,1	Máy xác định độ kim lún tự động	Cái	1	Trung Quốc
8,2	Lò nung 1000 ⁰ C	Cái	1	Trung Quốc
8,3	Bộ khuôn bột khoáng	Bộ	1	Việt Nam
8,4	Bộ phễu xác định hàm lượng hòa an trong dung môi Triclo Etylen	Bộ	1	Việt Nam
8,5	Kích tháo mẫu	Cái	1	Trung Quốc
8,6	Máy xác định độ dẫn dài của nhựa	Cái	1	Trung Quốc
8,7	Máy xác định nhiệt độ bắt cháy của nhựa đường	Cái	1	Trung Quốc
8,8	Thiết bị xác định điểm hóa mềm của nhựa	Cái	1	Trung Quốc
9	Thí nghiệm bê tông nhựa			
9,1	Máy hút chân không	Cái	1	Trung Quốc
9,2	Bình hút chân không	Cái	1	Trung Quốc
9,3	Máy chiết nhựa quay li tâm	Cái	1	Trung Quốc
9,4	Máy Marshall.	Cái	1	Trung Quốc
9,5	Đảm tạo mẫu Marshall bằng tay	Bộ	1	Việt Nam
9,6	Giỏ cân thủy tĩnh	Cái	1	Việt Nam
9,7	Bể ổn nhiệt bê tông nhựa	Cái	1	Trung Quốc
9,8	Máy khoan lấy lõi	Cái	1	Nhật
9,9	Máy khoan kim cương ϕ 100	Cái	3	Trung Quốc
B	THIẾT BỊ KHẢO SÁT, THI CÔNG			
1	Máy toàn đạc điện tử Sokkia Power Sét -1010	Cái	1	Nhật
2	Máy toàn đạc Leica TC-1010	Cái	1	Thụy Sĩ



Máy thủy bình Ni-004 của Đức



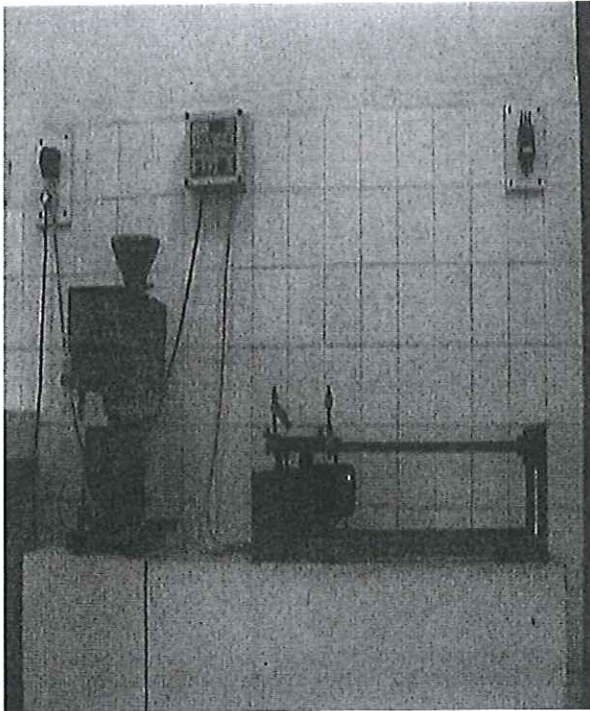
Máy thủy bình Leica-Nak 2



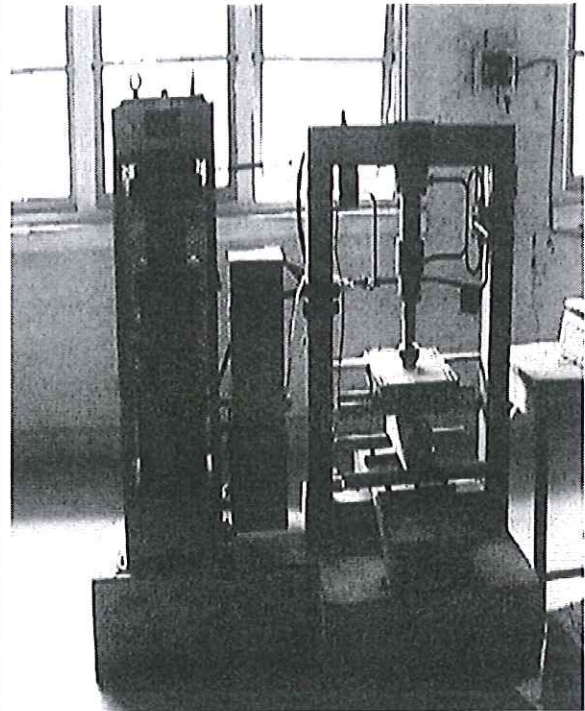
Máy toàn đạc Leica TC – 1010



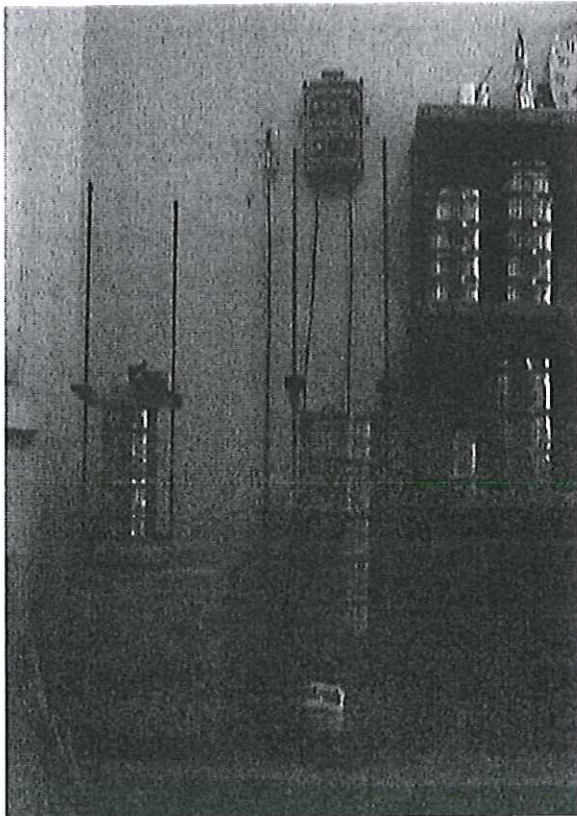
Máy toàn đạc điện tử Sokkia power-set 1010



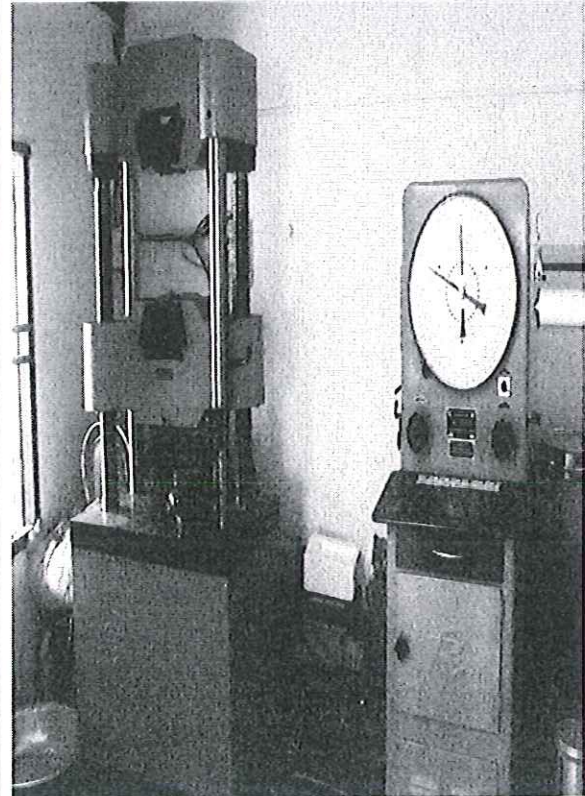
Máy trộn vữa và bàn dẫn đúc mẫu vữa xi măng



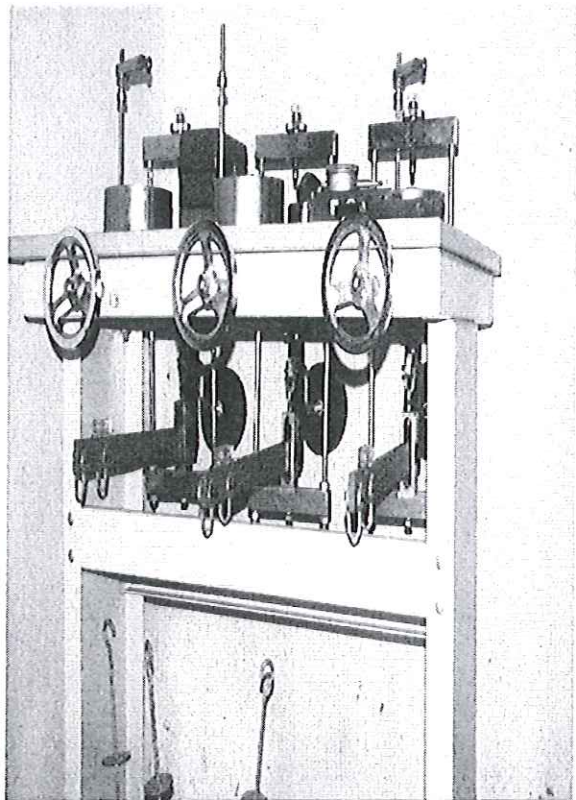
Máy nén uốn vữa



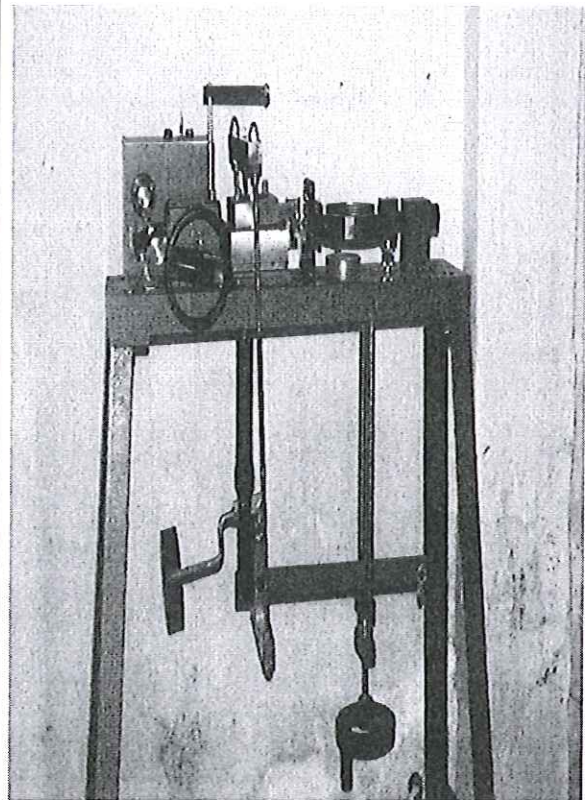
Bộ sàng và máy lắc sàng



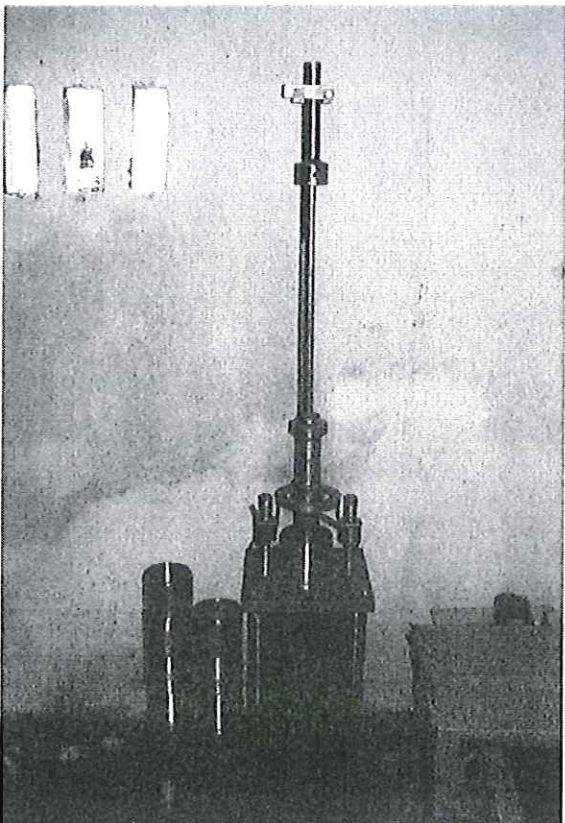
Máy đa năng



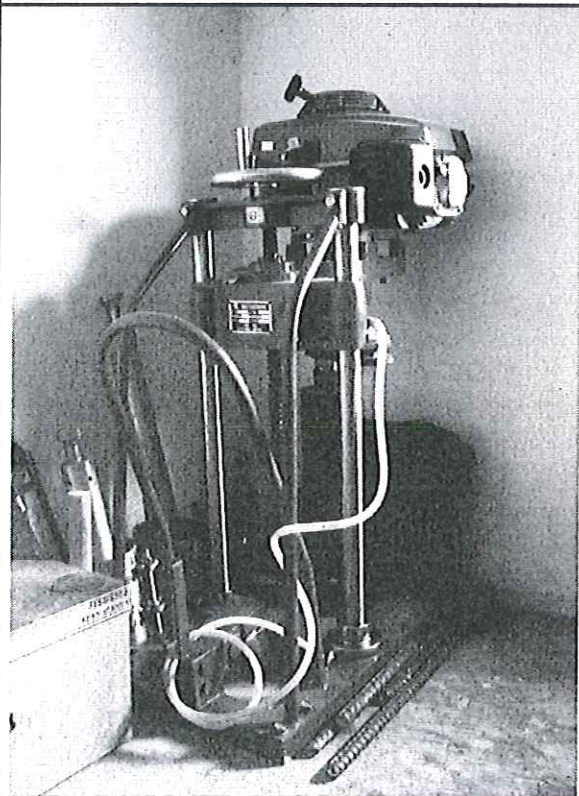
Máy nén đất



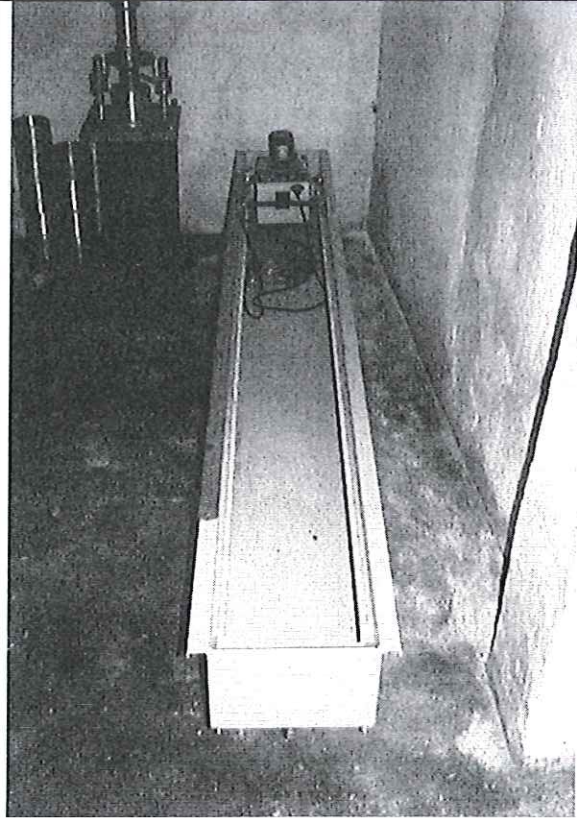
Máy cắt đất



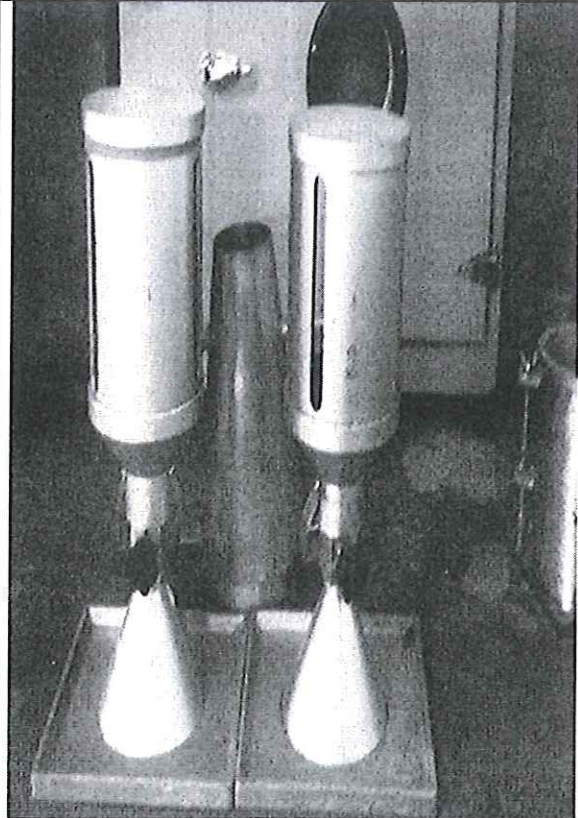
Giá đầm Marshall



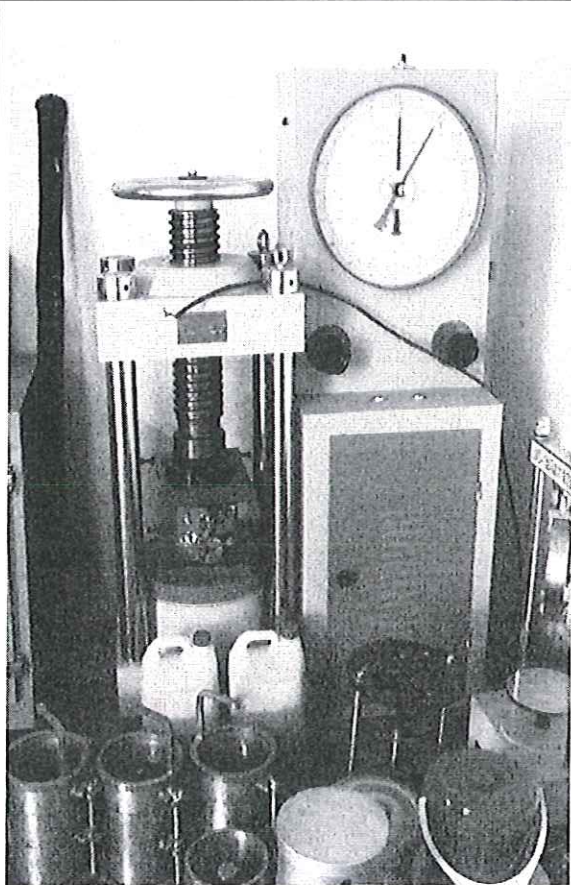
Máy khoan bê tông, đá



Thiết bị dẫn dài nhựa



Phễu rót cát



Máy nén bê tông



Tủ sấy



CÔNG TY CPTV KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG TRƯỜNG PHÁT

Địa chỉ trụ sở: Số 40, đường Vạn An, Phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An

Địa chỉ VPĐD: Bến Thủy 13, Phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

Tel: 0904.211.345, Email: 57truongphat@gmail.com.

DANH MỤC CÁC HỢP ĐỒNG THÍ NGHIỆM TIÊU BIỂU

TT	Tên công trình	Tên đơn vị ký kết	Thời gian thực hiện
1	Dự án trang trại chăn nuôi bò sữa Nghĩa Đàn – Nghệ An, Xây dựng tuyến đường chính tại khu trang trại số 01 & 02	Công ty CP quản lý và xây dựng đường bộ 470	2010
2	Cầu treo xã Đình Phong – xã Tam Đình – huyện Tương Dương	Công ty CP xây dựng công trình giao thông 482	2010
3	Cầu bắc qua sông Nậm Mộ - thị trấn Mường Xén – huyện Kỳ Sơn – tỉnh Nghệ An	Công ty CP thương mại đầu tư và xây dựng Thái Sơn	2010
4	Cầu treo Bản Côi – xã Lương Minh – huyện Tương Dương - tỉnh Nghệ An	Công ty TNHH tư vấn và xây dựng Phương Đông	2010
5	Nâng cấp cải tạo đường 33 đoạn qua xã Hợp Thành – Yên Thành – Nghệ An – KM6+523.06 – KM9+301.8	Công ty TNHH tư vấn và xây dựng Phương Đông	2010
6	Gói thầu số 02 : KM 5+500 – KM16+00 Đường TTBG Mường Típ từ Mốc L8 – L10, tỉnh Nghệ An	Xí nghiệp thi công cơ giới – Công ty 789 /BQP	2010
7	Gói thầu số 03: Km16+00 – Km22+00 thuộc Dự án: Đường TTBG Mường Típ từ mốc L8 – L10, tỉnh Nghệ An	Công ty TNHH một thành viên Hữu Nghị Nam Lào	2010
8	Gói thầu số 01: Km0+00 – Km5+500 Đường TTBG Mường Típ từ Mốc L8- L10, tỉnh Nghệ An	Công ty xây dựng 99 – Tổng công ty xây dựng Trường Sơn	2010
9	Đường cứu hộ, cứu nạn xã Hồng Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An	Công ty CP công nghiệp và phát triển xây dựng Miền Bắc	2011
10	Gói thầu số 04: Km22+00 – Km29+00 thuộc dự án: Đường TTBG Mường Típ từ mốc L8 – Mốc -L10, tỉnh Nghệ An	Lữ đoàn 414 – QK4	2011
11	Dự án di chuyển, nâng cấp đoạn Đê Cầu Dâu – Đô Lương – Nghệ An	Công ty CP xây dựng & dịch vụ tổng hợp Lam Sơn	2011

23	Gói thầu số 04: sửa chữa hư hỏng nền mặt đường và chống ngập lụt đoạn Km64 – Km64+450; Km74+900 – Km75+500 ; Km81+500; Km95+700 – Km100+700 đường Bản Phạm Km110+50 – Quốc lộ 48, tỉnh Nghệ An	Công ty CP phát triển xây dựng và thương mại Thuận An	2013
24	Cải tạo, nâng cấp đường vào trung tâm xã Nghi Công Bắc – huyện Nghi Lộc – tỉnh Nghệ An- Lý trình: Km0+00 đến Km1+400 đến Km3+188.34	Công ty TNHH TM tổng hợp và dịch vụ Yên Lực	2013
25	Trung tâm phòng chống thảm họa thiên tai Hưng Nguyên – Hưng Tân	Công ty TNHH Chương Dương	2013
26	Dự án đầu tư xây dựng đường 2 cửa khẩu Cầu Treo (Việt Nam), Nậm Pao (Lào), Đoạn thuộc lãnh thổ Việt Nam – GT 01: Xây dựng các công trình phòng hộ (Đào đắp mái Taluy 2 bên, tường chắn, ốp mái Taluy, tường rãnh cỏ, rãnh đỉnh, rãnh dọc, hồ gia cố	Công ty cổ phần và xây dựng giao thông 10	2013
28	Gói thầu 01: Toàn bộ xây lắp công trình thuộc Dự án: Đường ngang N5 (Đoạn 2 thuộc quy hoạch xây dựng khu kinh tế Đông Nam	Công ty TNHH xây dựng Hoàng Sơn	2014
29	Sửa chữa nền, mặt đường và rãnh thoát nước dọc hư hỏng cục bộ đoạn Km814+00 – Km843+00 đường Hồ Chí Minh, tỉnh Hà Tĩnh	Công ty cổ phần 496	2015
30	Gói thầu số 01: Km 0+00 - Km 0+183 thuộc dự án đường Tuần tra Biên Giới tỉnh Đồng Tháp.	Công ty Cổ Phần 3/2 – BQP	2015
31	Gói thầu số 02: Km 5+00 - Km 8+00 (Đoạn 1) thuộc dự án đường Tuần tra Biên Giới tỉnh Đồng Tháp.	CN Công ty TNHH MTV 621 – Xí nghiệp công trình Vật Cản 7	2015
32	Gói thầu số 02: Km 8+00 - Km 11+00 (Đoạn 1) thuộc dự án đường Tuần tra Biên Giới tỉnh Đồng Tháp.	CN Công ty TNHH MTV 621 – Xí nghiệp cầu Đường	2015
33	Gói thầu số 03: Km 13+00 - Km 20+500 thuộc dự án đường Tuần tra Biên Giới tỉnh Đồng Tháp.	Công ty T622 - Tổng công ty KTKT công nghiệp Quốc Phòng	2015
34	Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường, lề đường và rãnh thoát nước dọc đoạn: Km36+00 - Km400 +200; Km169+00 ÷ Km169+700 Quốc lộ 7, tỉnh Nghệ An	Công ty cổ phần 495	2016

44	Gói thầu số 01: Toàn bộ phần xây lắp, đảm bảo giao thông và chi phí hạng mục chung - Hạng mục: Hoàn trả đường công vụ đoạn qua huyện Nghi Lộc và Thị xã Cửa Lò - Dự án: đường giao thông nối Vinh - Cửa Lò (Giai đoạn I)	Công ty CP xây dựng và thương mại Tân Bình Mạnh	2019
45	Gói thầu số 09: Thi công xây dựng nền, mặt đường và công trình trên tuyến đoạn Km51-Km58 thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình: đường Mường Xén - Ta Đò - Khe Kiền	Liên danh Công ty cổ phần tập đoàn xây dựng Miền Trung - Công ty cổ phần đầu tư 468	2020
46	Gói thầu số số 14: thi công nền mặt đường và công trình trên tuyến các đoạn km324+500-km327+600 và km330+000-km333+200- dự án nâng cấp mở rộng QL15A đoạn km301+500-km333+200 tỉnh Nghệ An.	Công ty CPPT xây dựng và thương mại Thuận An	2020
47	Gói thầu số 20: thi công xây dựng công trình các đoạn Km310+300 - Km315+700 và Km327+600 - Km 330+00 thuộc Dự án: Nâng cấp, mở rộng QL 15A đoạn Km301+500 - Km333+200, tỉnh Nghệ An	Liên danh Công ty TNHH Mạnh Phát, Công ty TNHH Đầu tư 369 và Tổng Công ty CP đầu tư xây dựng Minh Tuấn	2021
48	Gói thầu số 19: Thi công xây dựng công trình đoạn Km301+500 - Km310+300 thuộc dự án Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 15A đoạn Km301+500 - Km333+200, tỉnh Nghệ An	Liên danh Công ty cổ phần xây lắp Giang Sơn, Công ty CP ĐT xây dựng và TM dịch vụ Việt Anh và Công ty cổ phần Tổng Công ty Xây dựng Nghệ An.	2021
49	Gói thầu: Xây lắp công trình thuộc dự án: Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường, hệ thống thoát nước và ATGT các đoạn Km360+601,17 - Km361+494; Km365+700 - Km373+00, Quốc lộ 16, tỉnh Nghệ An.	Công ty TNHH xây dựng và DL Thành Vinh	2025
50	Gói thầu: xây lắp công trình thuộc dự án: sửa chữa nền, mặt đường, hệ thống thoát nước đoạn km5+000 - km8+253; km8+438 - km8+950 và sửa chữa hệ thống ATGT đoạn km2+500 - km15+300, ĐT.531B, tỉnh Nghệ An.	Công ty TNHH xây dựng dịch vụ thương mại Đại Nam	
51	Gói thầu: xây lắp công trình thuộc dự án: sửa chữa nền, mặt đường, hệ thống thoát nước đoạn km5+000 - km8+253; km8+438 - km8+950 và sửa chữa hệ thống ATGT đoạn km2+500 - km15+300, ĐT.531B, tỉnh Nghệ An	Công ty CP quản lý và xây dựng Cầu Đường Nghệ An	

8	Khu nhà ở chung cư thuộc Trung Tâm Thương Mại Dịch Vụ và Căn Hộ Cao Cấp tại Phường Quán Bàu, thành phố Vinh	Công ty cổ phần PVLAND	2016
9	Gói thầu số 9 - Thí nghiệm nén tĩnh cọc xây dựng công trình: Trụ sở Chi cục Hải Quan thành phố Vinh thuộc Cục Hải quan Nghệ An	Cục Hải Quan Nghệ An	2016

DANH MỤC CÁC HỢP ĐỒNG KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH

TT	Tên công trình	Tên đơn vị ký kết	Thời gian thực hiện
1	Xây dựng trụ sở làm việc	Công ty cổ phần 471	2010
2	Đường giao thông xóm 8-9 xã Sơn Thọ - huyện Vũ Quang	Chi nhánh 1 – Công ty TNHH tư vấn hội xây dựng Hà Tĩnh	2012
3	Kho chứa nhựa đường	CT TNHH Nhựa Đường VietSing	2014
4	Mở rộng Trường Tiểu học Cửa Nam 2, Phường Cửa Nam	Công ty CP đầu tư xây dựng ALPHA Việt Nam	2016
5	Nhà trẻ - Công ty CP Kids' Smile Cửa Tiên	Công ty CP Kids' Smile Cửa Tiên	2016

DANH MỤC CÁC HỢP ĐỒNG CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

TT	Tên công trình	Tên đơn vị ký kết	Thời gian thực hiện
1	Nhà hiệu bộ cơ sở 2 Trường Cao Đẳng Nghề Du Lịch và Thương Mại Nghệ An	Trường Cao Đẳng Nghề Du Lịch và Thương Mại Nghệ An	2010



ISO 9001:2008

CÔNG TY CPTV KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG TRƯỜNG PHÁT

Địa chỉ trụ sở: Số 40, đường Vạn An, Phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An

Địa chỉ VPĐD: Bến Thủy 13, Phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

Tel: 0904.211.345, Email: 57truongphat@gmail.com.

PHẦN IV

MỘT SỐ HỢP ĐỒNG TIÊU BIỂU

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 01/HĐKT

V/v thí nghiệm VLXD công trình: " Gói thầu số 01: Km0+00 – Km0+183
thuộc Dự án đường Tuần Tra Biên Giới - tỉnh Đồng Tháp

I. CÁC CĂN CỨ ĐỂ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG:

- Căn cứ Luật thương mại được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005, có hiệu lực từ ngày 01/01/2006.
- Căn cứ Luật dân sự được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005, có hiệu lực từ ngày 01/01/2006.
- Căn cứ luật xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc Hội khoá XI, kỳ họp thứ 4 và Thông tư số 06/2007/TT – BXD ngày 20/07/2007 của Bộ xây dựng hướng dẫn hợp đồng trong hoạt động kinh tế.
- Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ - CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về Quản lý chất lượng công trình xây dựng.
- Căn cứ vào Hồ sơ mời thầu Công trình: Gói thầu số 01: Km 0 + 00 ÷ Km 0 – 183 thuộc Dự án đường Tuần Tra Biên Giới tỉnh Đồng Tháp.
- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của hai bên.

Hôm nay, ngày 25 tháng 01 năm 2015, Tại văn phòng: Công ty cổ phần 3/2 - BQP

II. CÁC BÊN KÝ HỢP ĐỒNG:

1. Bên giao thầu (Gọi tắt là Bên A):

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN 3/2 - BQP

Địa chỉ: Số 35 - Chùa Thông - Sơn lộc - Sơn Tây - Hà Nội

Người đại diện (Ông): Nguyễn Văn Trường

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm giám đốc Công ty làm đại diện

Điện thoại: 0433.832.139/33832.410

Fax: 0433.834.268

Tài khoản: 2203201007324

Mở tại: Ngân hàng Nông Nghiệp - Sơn Tây - Hà Nội

Mã số thuế: 0500469343

2. Bên nhận thầu (gọi tắt là Bên B):

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG TRƯỜNG PHÁT

Địa chỉ: Số 102A - Nguyễn Văn Trỗi - Thành Phố Vinh - Nghệ An

Người đại diện (Bà): Nguyễn Thị Phương Thảo

Chức vụ: Giám đốc

Điện thoại: 038.3558812

Fax: 0383.556.101

Tài khoản giao dịch: 102010000718372

Mở tại: Ngân Hàng Công Thương Bến Thủy - Thành Phố Vinh - Nghệ An.

Mã số thuế: 2900938949.



HAI BÊN THƯỜNG THẢO VÀ THỐNG NHẤT KÝ KẾT HỢP ĐỒNG KINH TẾ
VỚI NỘI DUNG NHƯ SAU:

Điều 1. Nội dung công việc:

Bên A giao cho bên B nhận thực hiện công việc: Thí nghiệm và kiểm tra chất lượng tại hiện trường các loại vật liệu xây dựng phục vụ công tác thi công xây dựng công trình: *Gói thầu số 01: Km0+00 ÷ Km0+183 thuộc Dự án Đường tuần tra biên giới - tỉnh Đồng Tháp.*

Số lượng hồ sơ : Cung cấp theo yêu cầu công tác quản lý chất lượng của các hạng mục công trình.

Điều 2. Chất lượng và các yêu cầu kỹ thuật:

Chất lượng công việc do bên B thực hiện phải đáp ứng được yêu cầu của bên A, đảm bảo các yêu cầu chính sau đây:

- Phù hợp với yêu cầu của giai đoạn thi công xây dựng công trình
- Đảm bảo tính trung thực khách quan
- Khối lượng, nội dung, yêu cầu kỹ thuật đối với công tác thí nghiệm phải phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Thời gian thực hiện hợp đồng:

Thời gian thực hiện: Từ ngày ký hợp đồng cho đến khi hoàn thành công trình.

Điều 4. Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán:

4.1 *Giá hợp đồng:*

- Hai bên thoả thuận tính đơn giá thí nghiệm bằng 1% giá trị xây lắp công trình được Chủ đầu tư thanh quyết toán cho Bên A.

- Giá trị xây lắp công trình tạm tính: 31.644.998.000 VNĐ

- Giá trị Hợp đồng tạm tính: $31.644.998.000 \times 1\% = 316.450.000 VNĐ$

Số tiền bằng chữ: Ba trăm mười sáu triệu, bốn trăm năm mươi ngàn đồng ./.

(Đã bao gồm thuế VAT)

- *Giá trị hợp đồng trên có thể điều chỉnh trong các trường hợp sau:*

* *Khi giá trị xây lắp của bên A thay đổi*

* *Khi có khối lượng phát sinh được Chủ đầu tư chấp thuận.*

4.2: *Phương thức thanh toán:*

- Bên A sẽ tạm ứng cho bên B ngay sau khi ký hợp đồng là 30% theo hợp đồng thí nghiệm đã ký: $30\% \times 316.450.000 = 94.935.000$ VNĐ (Chín mươi bốn triệu, chín trăm ba mươi lăm ngàn đồng ./.)

- Giá trị hợp đồng còn lại sẽ thanh toán cho bên B mỗi khi bên A nhận hồ sơ LAS – XD 765 theo từng đợt nghiệm thu thanh toán với Chủ đầu tư. tính bằng tỷ lệ % giá trị bên A được thanh toán của từng đợt.

- Hình thức thanh toán: Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản

- Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam

Điều 5. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp:

- Trong trường hợp xảy ra tranh chấp hợp đồng trong hoạt động xây dựng, các bên phải có trách nhiệm thương lượng giải quyết.

- Trường hợp không đạt được thoả thuận giữa các bên, việc giải quyết tranh chấp thông qua hoà giải Trọng tài hoặc toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 6: Bất khả kháng:

6.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất, hoả hoạn, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh, ... và các thảm hoạ khác chưa lường hết được.

- Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

+ Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

+ Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 7 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

6.2. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của mình.

Điều 7. Tạm dừng, huỷ bỏ hợp đồng:

7.1. Tạm dừng thực hiện hợp đồng:

Các trường hợp tạm dừng thực hiện hợp đồng:

- Do lỗi của bên giao thầu hoặc bên nhận thầu gây ra.

- Các trường hợp bất khả kháng.

- Các trường hợp khác do hai bên thoả thuận.

Một bên có quyền quyết định tạm dừng hợp đồng do lỗi của bên kia gây ra, nhưng phải báo cho bên kia biết bằng văn bản và cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng hợp đồng xây dựng đã ký kết; trường hợp bên tạm dừng không thông báo mà tạm dừng gây thiệt hại thì phải bồi thường cho bên thiệt hại.

Thời gian và mức đền bù thiệt hại do tạm dừng hợp đồng do hai bên thoả thuận để khắc phục.

7.2. Huỷ bỏ hợp đồng.

a/ Một bên có quyền huỷ bỏ hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi bên kia vi phạm hợp đồng là điều kiện huỷ bỏ mà các bên đã thoả thuận hoặc pháp luật có quy định. Bên vi phạm hợp đồng phải bồi thường thiệt hại.

b/ Bên huỷ bỏ hợp đồng phải thông báo ngay cho bên kia biết về việc huỷ bỏ, nếu không thông báo mà gây thiệt hại cho bên kia, thì bên huỷ bỏ hợp đồng phải bồi thường.

c/ Khi hợp đồng bị huỷ bỏ, thì hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm bị huỷ bỏ và các bên phải hoàn trả cho nhau tài sản hoặc tiền.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của mỗi bên:

8.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

- Cung cấp đầy đủ và kịp thời cho bên B hồ sơ thiết kế, chủng loại vật liệu, nguồn gốc vật liệu để tiến hành thí nghiệm theo yêu cầu thiết kế được Chủ đầu tư chấp thuận.

- Chuẩn bị mặt bằng để thí nghiệm, thông báo kế hoạch kiểm tra và nghiệm thu cho bên B thực hiện.

- Cử cán bộ theo dõi và nghiệm thu công tác kiểm tra và thí nghiệm.

- Tạo điều kiện hỗ trợ, giúp đỡ bên B trong quá trình thực hiện công tác thí nghiệm công trường.

- Sau khi bên B hoàn thành công việc, phải nhanh chóng cùng bên B tổ chức nghiệm thu khối lượng đã hoàn thành và thanh toán theo đúng thoả thuận A - B.

8.2. Quyền và nghĩa vụ Bên B:

- Bên B có quyền chủ động thực hiện các công việc theo hợp đồng, đảm bảo tiến độ theo thoả thuận khi đã có sự thống nhất cùng bên A. Bên B có quyền yêu cầu bên A cung cấp những tài liệu cần thiết trong phạm vi cho phép của bên A có liên quan đến phạm vi công việc của hợp đồng.

- Đo đạc, thí nghiệm, đảm bảo đúng quy trình, quy phạm hiện hành; tuân thủ theo đúng quy định chung của dự án và theo yêu cầu của bên A.

- Huy động thiết bị thí nghiệm cần thiết đến hiện trường phục vụ kịp thời cho từng giai đoạn thi công của bên A.

- Cử cán bộ kỹ thuật đủ tiêu chuẩn về bằng cấp, kinh nghiệm cần thiết vào việc thí nghiệm vật liệu xây dựng

- Cung cấp các số liệu thí nghiệm chính xác, khách quan, đúng yêu cầu

Điều 9: Điều khoản cam kết chung:

a) Hợp đồng này cũng như tất cả các tài liệu, thông tin liên quan đến hợp đồng sẽ được các bên quản lý theo quy định hiện hành của Nhà nước về bảo mật.

b) Hai bên A và B cam kết thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết, nếu bên nào sai bên đó hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

c) Hợp đồng lập thành 06 bản gốc có giá trị như nhau, bên A giữ 03 bản, bên B giữ 03 bản.

d) Hiệu lực của hợp đồng: Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi có sự thay đổi hoặc hai bên đã thanh lý hợp đồng.



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Trường



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Phương Châu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THÍ NGHIỆM

Số: 10 /HĐTĐN

“V/v Thí nghiệm kiểm tra chất lượng công trình”

Gói thầu số 05: xây dựng nền, mặt đường và các công trình trên tuyến - Dự án:
Đường giao thông nối Vinh - Cửa Lò (Giai đoạn I)

Lý trình: Km2+182,24-Km3+000 ; Km8+892 - Km10+832

- Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2003;

- Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

- Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Hôm nay, ngày 28 tháng 11 năm 2017, tại Công ty TNHH Hòa Hiệp chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH HÒA HIỆP

- Địa chỉ : 104, Nguyễn Sinh Sắc, TP Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Điện thoại : 0383.535.339 - Fax: 0383.563.769

- Tài khoản : 5101.0000.085828 tại Ngân hàng Đầu Tư Phát Triển Nghệ An.

- Mã số thuế : 2900 326 537

- Người đại diện : Ông Phạm Đình Hạnh - Chức vụ : Giám đốc

BÊN B: CÔNG TY CP TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG TRƯỜNG PHÁT

- Địa chỉ trụ sở chính : Số 40 - Đ. Vạn An - P. Hưng Bình - TP.Vinh - Nghệ An

- Địa chỉ VPĐD: Tòa nhà HTX Hưng Thủy K13 - P. Bến Thủy - TP. Vinh

- Điện thoại: 02383.558.812 - Fax: 02383.556.101

- Tài khoản giao dịch: 111000039582 tại Ngân Hàng Công Thương chi nhánh Thành Phố Vinh - Nghệ An

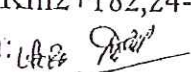
- Mã số thuế: 2900. 938. 949.

- Người đại diện (Bà): Nguyễn Thị Phương Thảo - Chức vụ: Giám đốc

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các điều khoản như sau:

Điều 1. Nội dung hợp đồng, thời gian thực hiện:

1.1. Nội dung hợp đồng:

Bên A đồng ý giao cho bên B thí nghiệm các công việc kiểm tra chất lượng thi công tại hiện trường cũng như trong phòng thí nghiệm của các hạng mục xây dựng thuộc công trình: Gói thầu số 05: xây dựng nền, mặt đường và các công trình trên tuyến - Dự án: Đường giao thông nối Vinh - Cửa Lò (Giai đoạn I). Lý trình: Km2+182,24-Km3+000 ; Km8+892 - Km10+832. Bao gồm các công việc sau: 

1.1.1. Thí nghiệm tất cả các chỉ tiêu cơ lý kiểm tra chất lượng đầu vào tất cả các loại vật liệu phục vụ dự án (Bao gồm Đất, đá nguyên khai, đá dăm các loại, sắt, thép, xi măng, gạch, Cấp phối đá dăm, nhựa đường, BTN...) theo đúng tiêu chuẩn dự án.

1.1.2. Thí nghiệm kiểm tra chất lượng trong quá trình thi công bao gồm: Kiểm tra độ chặt, đo E đường, và các chỉ tiêu khác có trong quyết định thử của phòng LAS - XD 765 (Không bao gồm thí nghiệm cấp, siêu âm, HL Parafin, nhớt động học, Vải địa kỹ thuật, hần lún vệt bánh xe). Thực hiện các công việc khác trong phạm vi gói thầu liên quan đến thí nghiệm khi có yêu cầu của TVGS và bên A.

1.1.3. Phát hành kết quả thí nghiệm đáp ứng yêu cầu của công trình theo các tiêu chuẩn của dự án và các tiêu chuẩn hiện hành khác khi bên A yêu cầu.

1.2. Thời gian thực hiện:

- Bắt đầu kể từ ngày ký hợp đồng (khi có yêu cầu của bên A).
- Khởi công: Từ ngày Bên A ký hợp đồng với Chủ đầu tư.
- Hoàn thành: Khi công trình bàn giao đưa vào sử dụng.
- Số lượng Hồ sơ: Số bộ hồ sơ xuất theo yêu cầu của bên A.

Điều 2. Giá trị hợp đồng - Phương thức thanh toán

2.1. Giá trị hợp đồng tạm tính theo đơn giá cố định:

Stt	Nội dung công việc	Đvt	Giá trị gói thầu (TN)	Ghi chú
1	Thí nghiệm trọn gói theo điều 1 của Hợp đồng này	Đồng	219.359.000	
	Tổng cộng (tạm tính)		219.359.000	

Bảng chữ: (Hai trăm mười chín triệu, ba trăm năm mươi chín nghìn đồng)

- Giá trị hợp đồng trên đã bao gồm thuế VAT 10%
- Giá trị trên là tạm tính. Giá trị thực tế sẽ căn cứ vào giá trị nghiệm thu thanh toán của bên A với Chủ đầu tư ở các đợt nghiệm thu nhân với đơn giá hợp đồng.

2.2. Tạm ứng: Không

2.3. Phương thức thanh toán:

- Sau khi hoàn thành công tác thí nghiệm tại công trình, Hai bên A và B tiến hành đối chiếu thanh toán, quyết toán, và thanh lý hợp đồng.

- Hồ sơ thanh toán các đợt gồm:

+ Biên bản xác nhận số bộ hồ sơ đã xuất cho bên A (Kỹ thuật hồ sơ bên A ký).

+ Bảng xác nhận khối lượng giá trị thí nghiệm đợt này.

+ Giấy đề nghị thanh toán.

+ Hóa đơn thuế giá trị gia tăng.

- Thời hạn thanh toán: 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ thanh toán của Bên B.

Điều 3. Quyền và Trách nhiệm của hai bên

3.1. Bên A:

- Gửi thông báo về kế hoạch, thời gian và tiến độ thực hiện công tác thí nghiệm cho bên B.
- Cung cấp các hồ sơ và tài liệu có liên quan tới công tác kiểm tra chất lượng công trình.
- Cử cán bộ kỹ thuật, quản lý chất lượng công trình, tham gia chứng kiến công tác thí nghiệm trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng.
- Chịu trách nhiệm mời TVGS để giám sát những phần việc liên quan đến công tác thí nghiệm hiện trường.
- Thanh toán cho bên B theo đúng như Điều 2 của Hợp đồng.

3.2. Bên B:

- Bố trí phòng thí nghiệm hiện trường để thực hiện các công tác thí nghiệm kiểm tra chất lượng của công trình theo yêu cầu của Chủ đầu tư;
- Cử cán bộ phụ trách thí nghiệm ở hiện trường nắm bắt yêu cầu công việc của bên A để kịp thời phục vụ thí nghiệm hiện trường cho tất cả các hạng mục công việc đang thi công, báo cáo kết quả ngay sau khi kiểm tra, thời gian trong vòng 03 ngày để bên A thi công những phần việc tiếp theo hoặc chỉnh sửa lại theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật;
- Đo đạc, thí nghiệm đảm bảo đúng quy trình, quy phạm hiện hành và những quy định của Dự án.
- Giao hồ sơ đúng tiến độ, đủ số lượng theo yêu cầu của bên A để phục vụ cho công tác nghiệm thu chuyên bước thi công
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật, Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát và Bên A các kết quả do mình cung cấp;
- Phối hợp với Chủ đầu tư, TVGS và Bên A để kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có)
- Thí nghiệm đầy đủ các chỉ tiêu cho tất cả hạng mục công trình khi Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát và Bên A yêu cầu. Đảm bảo đúng đủ theo yêu cầu và quy trình thi công của Dự án;
- Công tác thí nghiệm báo cáo kết quả không làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công.
- Đối chiếu khối lượng thực hiện và xuất hóa đơn GTGT cho bên A cho mỗi lần thanh toán.

Điều 4. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp

- Trong trường hợp xảy ra tranh chấp hợp đồng trong hoạt động xây dựng, các bên phải có trách nhiệm thương lượng cùng giải quyết.
- Trường hợp không đạt được thoả thuận giữa các bên, việc giải quyết tranh chấp

thông qua hoà giải, Trọng tài hoặc Toà án giải quyết theo qui định của pháp luật.

Điều 5: Hủy bỏ hợp đồng

- Một trong hai bên có quyền hủy bỏ hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại cho bên vi phạm hợp đồng khi các điều kiện hủy bỏ hợp đồng do hai bên cùng thống nhất: Khi một trong hai bên không thực hiện đúng các yêu cầu về trách nhiệm của mình đã được quy định trong điều 3 của hợp đồng hoặc năng lực thực hiện hợp đồng của một trong hai bên không đảm bảo theo yêu cầu của hợp đồng đã ký kết.

- Bên vi phạm hợp đồng phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bên còn lại trong trường hợp không có thông báo mà đơn phương hủy bỏ hợp đồng gây thiệt hại cho bên còn lại thì bên hủy bỏ hợp đồng phải bồi thường thiệt hại cho bên kia.

- Khi hợp đồng bị hủy bỏ, thì hợp đồng giữa hai bên không còn hiệu lực từ thời điểm bị hủy bỏ và các bên có trách nhiệm phải hoàn trả nhau phần giá trị, tài sản và tiền đã thực hiện hoặc đã thanh toán quá khối lượng thực hiện trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực.

Điều 6. Điều khoản chung

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản nêu trong hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện nếu có gì vướng mắc thì hai bên trực tiếp gặp nhau để bàn bạc và tìm biện pháp giải quyết, không được đơn phương thay đổi hoặc hủy bỏ hợp đồng. Mọi sửa đổi bổ sung phải được hai bên cùng đồng ý bằng văn bản mới có giá trị thi hành. Bên nào vi phạm sẽ bồi thường toàn bộ mức thiệt hại cho bên bị thiệt hại.

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày thanh lý.

- Hợp đồng được lập thành 04 bản có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ 02 bản.



ĐẠI DIỆN BÊN A

GIÁM ĐỐC

Phạm Đình Hạnh

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Chi Phương Châu

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 04/2018/HĐTN

“V/v: Thí nghiệm kiểm tra chất lượng Gói thầu HT:5-XD:2: Thi công xây dựng 17 cầu, cống trên địa bàn các huyện Hương Sơn, Thạch Hà, Kỳ Anh, Cẩm Xuyên, Vũ Quang thuộc Dự án thành phần 5, tỉnh Hà Tĩnh (HT:05-DA ĐT01) thuộc Hợp phần cầu - Dự án đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP)”

- Căn cứ pháp lệnh số 33/2005/QH 11 do Quốc hội ban hành về luật dân sự sửa đổi ký ngày 14 tháng 6 năm 2005.

- Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

- Căn cứ Nghị định 112/2009/NĐ-CP ngày 23/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

- Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Nghị định Số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 12/2009/NĐ-CP;

- Căn cứ Nghị định 48/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 07/05/2010 về hợp đồng trong hoạt động xây dựng;

- Căn cứ hợp đồng số 428/2018/HĐXD-LRAMP-HT:5-XD2 ngày 26/11/2018 giữa Ban Quản lý dự án 4 và Liên danh Công ty CP đầu tư xây dựng Trường Thịnh Nghệ An – Công ty CP đầu tư xây dựng công trình 216 về việc thi công: Gói thầu HT:5-XD:2: Thi công xây dựng 17 cầu, cống trên địa bàn các huyện Hương Sơn, Thạch Hà, Kỳ Anh, Cẩm Xuyên, Vũ Quang thuộc Dự án thành phần 5, tỉnh Hà Tĩnh (HT:05-DA ĐT01) thuộc Hợp phần cầu - Dự án đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP);

- Căn cứ nhu cầu và khả năng của các bên.

Hôm nay, ngày 27 tháng 11 năm 2018, Chúng tôi gồm các bên sau đây:

I. Liên danh Công ty CP đầu tư xây dựng Trường Thịnh Nghệ An – Công ty CP đầu tư xây dựng công trình 216 (Gọi tắt là bên A)

I.1. Công ty CP đầu tư xây dựng Trường Thịnh Nghệ An

Ông: Lê Trung Tuấn

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Số 146, Đ. Nguyễn Sỹ Sách, tầng 02 tòa nhà Huệ Lộc, TP. Vinh, NA.

Tài khoản : 3600201007306

Tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn – Chi nhánh Nghệ An.

Mã số thuế: 2901026705

I.2 Công ty CP đầu tư xây dựng công trình 216

Ông: Nguyễn Văn Đông

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Số 78, đường Nguyễn Quốc Trị, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 02383 836216

Fax: 02383 836216

Tài khoản số 1: 8141166216216

Tại Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Nghệ An.

MST: 2900753666

II. Công ty Cp tư vấn kiểm định xây dựng Trường Phát (Gọi tắt là bên B)

Bà: Nguyễn Thị Phương Thảo Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ trụ sở chính : Số 40 - Đ. Vạn An - P. Hưng Bình - TP.Vinh - Nghệ An

Địa chỉ VPDD : Khối 13 - P. Bến Thủy - TP.Vinh - Nghệ An

Tài khoản giao dịch: 111000039582

Tại: Ngân Hàng Công Thương chi nhánh Thành Phố Vinh - Nghệ An

Mã số thuế: 2900938949.

Hai bên thoả thuận ký kết hợp đồng kinh tế với những điều khoản như sau:

Điều 1: Nội dung công việc

Bên A đồng ý giao, bên B đồng ý nhận thực hiện công tác thí nghiệm vật liệu xây dựng và kiểm tra chất lượng tại hiện trường công trình: Gói thầu HT:5-XD:2: Thi công xây dựng 17 cầu, cống trên địa bàn các huyện Hương Sơn, Thạch Hà, Kỳ Anh, Cẩm Xuyên, Vũ Quang thuộc Dự án thành phần 5, tỉnh Hà Tĩnh (HT:05-DA ĐT01) thuộc Hợp phần cầu - Dự án đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP). Nội dung công việc cụ thể như sau:

a) Thí nghiệm các phép thử thuộc phòng TN LAS -XD 765 theo QĐ số 600/GCN-BXD ngày 31/08/2018 của Bộ trưởng BXD.

b) Thí nghiệm các thí nghiệm khác do Tư vấn giám sát và Chủ đầu tư yêu cầu. Trong đó bao gồm nhưng không giới hạn những thí nghiệm sau đây:

- Siêu âm cọc khoan nhồi
- Khoan lõi, mùn cọc khoan nhồi
- Thí nghiệm gói cầu, Cấp cường độ cao, Neo cáp, Kích, đồng hồ.
- Thí nghiệm khe co giãn.

*) **Ghi chú:** Những chỉ tiêu này (Điều 1.b) sẽ có đơn giá cụ thể riêng.

Điều 2: Chất lượng và các yêu cầu kỹ thuật, tiến độ

Chất lượng: Thực hiện công tác thí nghiệm VLXD, kiểm tra chất lượng tại hiện trường và trong phòng thí nghiệm theo đúng qui trình qui phạm hiện hành.

- Tiến độ: Từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

- Đến kết thúc thi công công trình: theo tiến độ của chủ đầu tư.

Điều 3: Giá trị hợp đồng

3.1. Loại hợp đồng: Theo giá điều chỉnh (lấy theo quyết toán giá trị xây lắp hoàn thành)

3.2. Giá trị hợp đồng:

a) Thí nghiệm vật liệu: Bao gồm các thí nghiệm thuộc phần nội dung công việc Điều 1.a nhưng không bao gồm điều 1.b

Giá trị trọn gói bằng $0.6\% \times$ Giá trị nghiệm thu mà bên A được chủ đầu tư chấp thuận, giá trị xây lắp tạm tính theo giá dự toán được phê duyệt là: 20.124.759.744 đồng

- Giá trị thí nghiệm tạm tính là:

$$20.124.759.744 * 0,6 \% = 120.748.558 \text{ đồng}$$

Bảng chữ: (Một trăm hai mươi triệu, bảy trăm bốn tám ngàn, năm trăm năm tám đồng)

- Giá này đã bao gồm thuế VAT;

(*) Trong đó:

a. Công ty CP đầu tư xây dựng Trường Thịnh Nghệ An:

- Giá trị thí nghiệm tạm tính là:

$$14.755.452.289 * 0,6 \% = 88.532.714 \text{ đồng}$$

Bằng chữ: (Tám mươi tám triệu, năm trăm ba hai ngàn, bảy trăm mười bốn đồng)

b. Công ty CP đầu tư xây dựng công trình 216

- Giá trị thí nghiệm tạm tính là:

$$5.369.307.485 * 0,6 \% = 32.215.845 \text{ đồng}$$

Bằng chữ: (Ba mươi hai triệu, hai trăm mười lăm ngàn, tám trăm bốn lăm đồng)

b) Chi phí thí nghiệm các hạng mục thuộc nội dung công việc điều 1.b

- Giá trị cụ thể như sau :

TT	Hạng mục thí nghiệm	Đơn giá (đồng)	Ghi chú
1	Thí nghiệm siêu âm	1.200.000 đồng/ 1 cọc	>2 cọc
		2.500.000 đồng/1 cọc	≤ 2 cọc
2	Chi phí chuyển quân	Tính theo giá vận chuyển tại thời điểm của Cty CPTVKĐXD Trường Phát (vì chưa có địa điểm cụ thể)	

Ghi chú : - Giá trị trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT 10%)

- Giá trị thanh toán căn cứ vào khối lượng thực tế thực hiện.

3.3. Thanh toán:

- Thanh toán hợp đồng :
- Phần thí nghiệm các nội dung công việc theo điều 1.a (Không bao gồm các nội dung công việc điều 1.b) : Bên A sẽ thanh toán cho bên B theo từng đợt căn cứ vào giá trị từng đợt nghiệm thu thanh toán của Bên A với Chủ đầu tư.
- Khi giao nhận chứng chỉ, hai bên làm biên bản xác nhận khối lượng thí nghiệm.
- Phần thí nghiệm các nội dung theo điều 1.b thanh toán ngay sau khi bàn giao hồ sơ;
- Cung cấp hóa đơn giá trị gia tăng (VAT 10%) cho bên A theo từng đợt thanh toán.
- Kết thúc công trình hai bên lập bản quyết toán kinh phí và thanh lý hợp đồng theo khối lượng xây lắp hoàn thành.
- Phương thức thanh toán: thanh toán bằng chuyển khoản.

3.4. Điều chỉnh giá hợp đồng

Giá trị hợp đồng được điều chỉnh trong các trường hợp khi giá trị xây lắp của bên A thay đổi.

Điều 4: Trình tự thực hiện

- Khi bên A có yêu cầu làm thí nghiệm thì bên A thông báo cho bên B bằng phiếu yêu cầu thí nghiệm hoặc bằng điện thoại, email trước 12 giờ để bên B có kế hoạch thực hiện.

Điều 5: Trách nhiệm và quyền hạn mỗi bên

5.1. Trách nhiệm bên A:

- Cung cấp đầy đủ và kịp thời cho bên B hồ sơ thiết kế, các chủng loại vật liệu, mỏ đất mỏ đá, mỏ cát, xi măng, thép các loại để làm thí nghiệm theo đề cương được Tư vấn giám sát và Chủ đầu tư chấp thuận.

- Thông báo kịp thời cho bên B các thay đổi về quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật, tiến độ và các thay đổi khác có liên quan đến thí nghiệm dự án.

- Bên A cử cán bộ có trách nhiệm phối hợp để thực hiện, tạo điều kiện thuận lợi cho bên B thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi quyền hạn của mình.

- Bên A có nhiệm vụ gửi phiếu yêu cầu thí nghiệm, kiểm tra chất lượng công trình cho bên B biết trước 12h để không ảnh hưởng đến tiến độ thi công. Trong trường hợp không thể gửi được phiếu yêu cầu thí nghiệm thì bên A sẽ thông báo cho bên B bằng điện thoại hoặc email trước 12h.

- Bên A thanh toán kịp thời cho bên B sau khi bên B hoàn thành, bàn giao đầy đủ các hồ sơ, chứng chỉ thí nghiệm cho bên A (theo từng giai đoạn nghiệm thu)

5.2. Trách nhiệm bên B:

- Đảm bảo đầy đủ người và phương tiện, thiết bị để thực hiện công việc bất cứ lúc nào theo yêu cầu của bên A trong quá trình thi công.

- Thực hiện công tác thí nghiệm VLXD, kiểm tra chất lượng tại hiện trường theo đúng quy trình, quy phạm hiện hành.

- Chịu trách nhiệm về độ chính xác của kết quả thí nghiệm

- Bàn giao cho bên A: 05 bộ hồ sơ, báo cáo kết quả thí nghiệm ở thời điểm muộn nhất là 7 ngày sau khi đã tiến hành thí nghiệm. Ngoài ra bên B có trách nhiệm xuất bản mộc kết quả thí nghiệm có dấu LAS – XD cho bên A để bên A có cơ sở triển khai công việc tại hiện trường.

- Cung cấp đầy đủ các hoá đơn, chứng từ cần thiết cho công tác nghiệm thu và thanh toán.

Điều 6: Điều khoản chung

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi hai bên A-B cùng hoàn thành các điều khoản nêu trên.

Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản ghi trong hợp đồng, mọi phát sinh ngoài các nội dung đã nêu trong hợp đồng phải được bổ sung bằng văn bản để làm cơ sở thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu gặp trở ngại phát sinh, hai bên cùng bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác, hoà giải, tôn trọng lợi ích các bên. Trường hợp không đi đến một thoả thuận chung, mâu thuẫn được đưa ra Toà án kinh tế tỉnh Nghệ An để giải quyết, quyết định xử lý của Toà án kinh tế là quyết định cuối cùng và bắt buộc cả hai bên phải thực hiện.

Hợp đồng được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau.

Mỗi bên giữ 02 bản để thực hiện ./.

ĐẠI DIỆN BÊN A

CÔNG TY CPĐT XD
TRƯỜNG THỊNH NGHỆ AN



Lê Thị Phương Tuấn

CÔNG TY CPĐT XD
CÔNG TRÌNH 216



Nguyễn Văn Đông

ĐẠI DIỆN BÊN B

CÔNG TY CP TVK&XD
DỰNG TRƯỜNG PHÁT



Nguyễn Thị Phương Thảo

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: /HĐKT

"V/v: Thí nghiệm kiểm tra chất lượng công trình:

Gói thầu số 14: Thi công nền mặt đường và công trình trên tuyến các đoạn Km324+500 - Km327 +600 và Km330+000 - Km333+200 - dự án nâng cấp, mở rộng QL15A, đoạn Km301+500 - Km333+200, tỉnh Nghệ An".

I. CÁC CĂN CỨ ĐỀ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG:

Căn cứ Luật dân sự được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005, có hiệu lực từ ngày 01/01/2006;

Căn cứ Luật xây dựng số 50/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCNVN thông qua tại kỳ họp thứ 7, ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết về Hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ - CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của hai bên;

Hôm nay, ngày tháng năm 2020, Chúng tôi gồm có:

II. CÁC BÊN KÝ HỢP ĐỒNG:

1. Bên giao thầu (Gọi tắt là Bên A):

Tên đơn vị: CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN XD VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN AN

Người đại diện (Ông): Trần Anh Quang

Chức vụ: Phó tổng giám đốc

Địa chỉ : Số 141, Đ. Trường Chinh, tổ 20, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Hà Nội.

VPGD: Tầng 9, Tòa nhà Vinaconex 9, Lô HH2, P.Mế Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại : 024.3540.0895

Mã số thuế : 0101520598

2. Bên nhận thầu (gọi tắt là Bên B):

Tên đơn vị: CÔNG TY CP TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG TRƯỜNG PHÁT

Người đại diện (Bà): Nguyễn Thị Phương Thảo

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ trụ sở chính : Số 40 - Đ. Vạn An - P. Hưng Bình - TP. Vinh - Nghệ An

Địa chỉ VPĐD: Tòa nhà HTX Hưng Thủy K13 - P. Bến Thủy - TP. Vinh

Điện thoại: 038.3558812

Fax: 0383 556 101

Tài khoản giao dịch: 111000039582

Mở tại: Ngân Hàng Công Thương chi nhánh Thành Phố Vinh - Nghệ An

Mã số thuế: 2900 938 949.

**HAI BÊN THƯƠNG THẢO VÀ THỐNG NHẤT KÝ KẾT
HỢP ĐỒNG KINH TẾ VỚI NỘI DUNG NHƯ SAU:**

Điều 1. Nội dung công việc:

Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thực hiện công tác thí nghiệm kiểm tra để đánh giá chất lượng công trình:

1.1. Công trình: "Gói thầu số 14: Thi công nền mặt đường và công trình trên tuyến các đoạn Km324+500 - Km327 +600 và Km330+000 - Km333+200 - dự án nâng cấp, mở rộng QL15A, đoạn Km301+500 - Km333+200, tỉnh Nghệ An"

1.2. Bao gồm toàn bộ công tác kiểm tra chất lượng vật liệu đầu vào, kiểm tra chất lượng các công tác trong quá trình thi công theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được phê duyệt. Cụ thể là:

+) Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý cho các loại vật liệu xây dựng: Đất đắp các loại, đá nguyên khai, đá dăm các loại, sắt, thép, xi măng, gạch, nhựa đường, bột khoáng và Bê tông nhựa.....

+) Thí nghiệm độ chặt, do E đường và các chỉ tiêu thí nghiệm khác có trong quyết định thử của phòng LAS -XD 765 (Không bao gồm thí nghiệm siêu âm cọc, cáp, nêm, neo, gối, khe co giãn, mạ kẽm, siêu âm mối hàn, HL Parafin, Độ nhớt ĐLH, Vải địa KT, hàn lún vệt bánh xe, sơn và PDA, thử tải tĩnh, khoan mùn đầu cọc....)

Điều 2. Yêu cầu kỹ thuật:

Chất lượng công việc do Bên B thực hiện phải đáp ứng được yêu cầu của Bên A, phải tuân theo các quy định hiện hành của Nhà nước và các quy trình, quy phạm chuyên ngành khác.

Điều 3. Thời gian thực hiện hợp đồng:

Thời gian thực hiện: Từ ngày ký hợp đồng cho đến khi hoàn thành công trình.

Điều 4. Đơn giá và hình thức thanh toán:

4.1. Đơn giá: Hai bên thỏa thuận tính đơn giá thí nghiệm bằng 0.5 % giá trị xây lắp công trình được Chủ đầu tư thanh quyết toán cho Bên A.

- Giá trị xây lắp công trình tạm tính: 54.250.163.000 đồng

- Giá trị Hợp đồng tạm tính $54.250.163.000 \times 0.5 \% = 271.251.000$ đồng

(Bằng chữ: Hai trăm bảy mươi một triệu, hai trăm năm mươi một ngàn đồng./.)

Giá trị trên đã bao gồm thuế VAT 10% và các loại thuế khác theo quy định của nhà nước

4.2. Tạm ứng:

Sau khi hợp đồng được ký kết và bên B bắt đầu thực hiện các phép thử tại hiện trường, Bên A sẽ tạm ứng cho bên B với số tiền là: 50.000.000 đồng. Giá trị tạm ứng sẽ được trừ 50% vào lần thanh toán thứ nhất và 50% vào lần thanh toán thứ hai của bên A với Chủ đầu tư.

4.3. Thanh toán:

- Giá trị nghiệm thu thanh toán cho Bên B sẽ căn cứ trên khối lượng các hạng mục mà Chủ đầu tư nghiệm thu thanh toán cho Bên A.

- Hồ sơ thanh toán gồm:

+ Giấy đề nghị thanh toán

+ Bảng tổng hợp giá trị nghiệm thu thanh toán

+ Biên bản bàn giao kết quả thí nghiệm và tổng hợp khối lượng thanh toán

+ Hóa đơn GTGT

- Thời gian thanh toán cho bên B là 10 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư thanh toán cho bên A và hồ sơ thanh toán của bên B hợp lệ.

PHỤ LỤC
G
LẤY
THIỆT

10
CC
CC
TI
TI
THI
XI

Sau khi hoàn thành nghiệm thu bàn giao công trình, hai bên cùng nhau đối chiếu và tiến hành thanh lý hợp đồng.

Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản, Đồng tiền thanh toán: Việt nam đồng.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ mỗi bên:

5.1 Quyền và nghĩa vụ Bên A:

- Cung cấp tài liệu, văn bản pháp lý liên quan phục vụ công tác thí nghiệm.
- Chuẩn bị mặt bằng để thí nghiệm, thông báo kế hoạch kiểm tra và nghiệm thu cho bên B thực hiện.
- Cử cán bộ theo dõi và nghiệm thu công tác kiểm tra và thí nghiệm.
- Thanh toán cho bên B theo điều 4.
- Bên A có quyền yêu cầu bên B cung cấp nhân sự và thiết bị đáp ứng yêu cầu tiến độ, chất lượng của dự án, trong trường hợp bên B không đáp ứng được (sau khi bên A thông báo bằng văn bản, ...trong vòng 24h) thì bên A có quyền sử dụng phòng thí nghiệm khác để thực hiện công tác thí nghiệm. Mọi thiệt hại do việc phải sử dụng phòng thí nghiệm khác bên B phải chịu trách nhiệm và bồi thường tổn thất cho bên A.
- Có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu bên B vi phạm một trong các điều khoản của hợp đồng.

5.2 Quyền và nghĩa vụ Bên B:

- Cung cấp cho bên A hồ sơ năng lực, danh sách các cán bộ thí nghiệm phục vụ dự án
- Lập phòng thí nghiệm tại hiện trường theo yêu cầu của Dự án và được sự chấp thuận của Tư vấn giám sát và Chủ đầu tư.
- Lập danh sách các cán bộ thí nghiệm phục vụ dự án để bên A trình TVGS và Chủ đầu tư xem xét và chấp thuận.
- Xuất trình đầy đủ chứng chỉ các thiết bị phục vụ công tác thí nghiệm tại hiện trường và trong phòng thí nghiệm. Các thiết bị phải đảm bảo còn thời hạn kiểm định và hoạt động bình thường, được TVGS và Chủ đầu tư chấp thuận.
- Cử cán bộ thí nghiệm có mặt thường xuyên tại hiện trường để phục vụ công tác thí nghiệm công trình.
- Lập đề cương thí nghiệm.
- Đảm bảo tiến độ thực hiện theo đúng yêu cầu của bên A, cung cấp các kết quả thí nghiệm kịp thời và chính xác được Chủ đầu tư và Tư vấn giám sát công trình chấp thuận (theo yêu cầu của bên A).
- Chịu trách nhiệm về độ chính xác của kết quả thí nghiệm.
- Lập biểu bảng và kết quả thí nghiệm để phục vụ cho Bên A thanh quyết toán và lưu hồ sơ thí nghiệm công trình. Số lượng 07 bộ gốc/kết quả thí nghiệm.
- Cung cấp hóa đơn GTGT theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.
- Có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu bên A vi phạm một trong các điều khoản của hợp đồng.

Điều 6: Điều khoản cam kết chung:

Hai bên cam kết thực hiện những điều khoản ghi trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện nếu có gì thay đổi hoặc vướng mắc, hai bên có trách nhiệm thông báo cho nhau để

9389

IG TY
N KIEM
Y DU
JONG I

III - T. A

IG TY
N KIEM
Y DU
JONG I

cùng bàn bạc giải quyết. Nếu không tự giải quyết được thì 2 bên có quyền khiếu nại lên các cơ quan pháp luật liên quan, bên nào sai phạm thì phải chịu mọi chi phí xét xử.

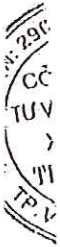
Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 04 bản, có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 02 bản, bên B giữ 02 bản để thực hiện. *LS*



Trần Anh Quang



Nguyễn Thị Phương Thảo



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 68/2025/HĐTĐ

“V/v: Thí nghiệm kiểm tra chất lượng Gói thầu: xây lắp công trình thuộc dự án: sửa chữa nền, mặt đường, hệ thống thoát nước đoạn km5+000 - km8+253; km8+438 - km8+950 và sửa chữa hệ thống ATGT đoạn km2+500 - km15+300, ĐT.531B, tỉnh Nghệ An.”

I. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG:

Căn cứ Luật dân sự được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005, có hiệu lực từ ngày 01/01/2006;

Căn cứ Luật xây dựng số 50/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCNVN thông qua tại kỳ họp thứ 7, ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết về Hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ - CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của hai bên;

Hôm nay, ngày 25 tháng 11 năm 2025, Chúng tôi gồm các bên sau đây.

II. CÁC BÊN KÝ HỢP ĐỒNG:

1. Đại diện Bên giao (Gọi tắt là Bên A):

Tên đơn vị : CÔNG TY CP QUẢN LÝ VÀ XÂY DỰNG CẦU ĐƯỜNG NGHỆ AN

Đại diện là: (Ông) **Phạm Hồng Sửu**

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Km34 QL.48 - Phường Thái Hoà - tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 02383.881 885

Tài khoản: 5130000132

Tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phủ Quỳ.

Mã số thuế: 2900 324 314

2. Đại diện bên nhận (Bên B)

Tên đơn vị: CÔNG TY CP TV KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG TRƯỜNG PHÁT

Địa chỉ trụ sở: Số 40, Đường Vạn An - Phường Thành Vinh - tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ VPĐD: Bến Thủy 13 - Phường Trường Vinh - tỉnh Nghệ An

Người đại diện(Bà): **Nguyễn Thị Phương Thảo**

Chức vụ: Giám đốc

Tài khoản giao dịch: 111000039582

Mở tại: Ngân Hàng Công Thương Chi nhánh Thành Phố Vinh - Nghệ An.

Mã số thuế: 2900 938 949.



Hai bên thoả thuận ký kết hợp đồng kinh tế với những điều khoản như sau:

Điều 1: Nội dung công việc

Bên A đồng ý giao, bên B đồng ý nhận thực hiện công tác thí nghiệm vật liệu xây dựng và kiểm tra chất lượng tại hiện trường Gói thầu: xây lắp công trình thuộc dự án: sửa chữa nền, mặt đường, hệ thống thoát nước đoạn km5+000 - km8+253; km8+438 - km8+950 và sửa chữa hệ thống ATGT đoạn km2+500 - km15+300, ĐT.531B, tỉnh Nghệ An.

Nội dung công việc cụ thể như sau:

a) Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý cho các loại vật liệu xây dựng: Đất đắp các loại, đá nguyên khai, đá dăm các loại, sắt, thép, xi măng, gạch, nhựa đường, bột khoáng và bê tông nhựa, độ chặt, đo E đường và các chỉ tiêu khác có trong quyết định thử của phòng LAS - XD765.....

b) Thí nghiệm các chỉ tiêu khác do Tư vấn giám sát và Chủ đầu tư yêu cầu. Trong đó không bao gồm những chỉ tiêu sau đây: (Siêu âm cọc, khoan lỗ, mìn cọc khoan nhồi, cáp, nệm, neo, gối, kích, đồng hồ, khe co giãn, SA mối hàn, mạ kẽm, Sơn, HL Parafin, Độ nhớt ĐLH, Vải địa KT, hần lún vệt bánh xe, lớp PNMCM, PDA.)

*) Ghi chú: Những chỉ tiêu này (Điều 1.b) sẽ có đơn giá cụ thể riêng.

Điều 2: Chất lượng và các yêu cầu kỹ thuật, tiến độ

Chất lượng: Thực hiện công tác thí nghiệm VLXD, kiểm tra chất lượng tại hiện trường và trong phòng thí nghiệm theo đúng qui trình qui phạm hiện hành.

- Tiến độ: Từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

- Đến kết thúc thi công công trình: theo tiến độ của chủ đầu tư.

Điều 3. Đơn giá và hình thức thanh toán:

3.1. Loại hợp đồng: Theo giá điều chỉnh (lấy theo quyết toán giá trị xây lắp hoàn thành)

3.2. Giá trị hợp đồng:

- Giá trị trọn gói bằng 0.7% x Giá trị nghiệm thu mà bên A được chủ đầu tư chấp thuận, giá trị xây lắp tạm tính theo giá hợp đồng của Bên A với Chủ đầu tư (Không bao gồm chi phí dự phòng) là: **6.389.380.490 đồng.**

- Giá trị thí nghiệm tạm tính là (Không bao gồm giá trị của Nhà thầu phụ thực hiện):

$$6.389.380.490 * 0.7 \% = 44.725.663 \text{ đồng}$$

Bằng chữ: (Bốn mươi bốn triệu, bảy trăm hai lăm nghìn, sáu trăm sáu ba đồng)

- Tạm ứng: Bên A sẽ tạm ứng cho bên B ngay sau khi ký hợp đồng là 30% theo hợp đồng thí nghiệm đã ký.

- Thanh toán: Sau mỗi đợt bên A nhận đủ hồ sơ thí nghiệm thì thanh toán cho bên B theo tỷ lệ tương ứng với giá trị mà bên A thanh toán với Chủ Đầu tư. Tính bằng tỷ lệ % giá trị bên A được thanh toán của từng đợt, đồng thời khấu trừ dần tạm ứng theo tỷ lệ từng đợt.

- Giá trị hợp đồng còn lại sẽ thanh toán hết cho bên B trước khi nhận hồ sơ chất lượng để thanh toán đợt cuối với Chủ đầu tư.

- Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản, bên B có trách nhiệm xuất hóa đơn GTGT theo quy định cho bên A.

93894
NG TY
AN KIEM
LY DUT
UONG P
VII - T.N

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ mỗi bên:

4.1 Quyền và nghĩa vụ Bên A:

- Cung cấp tài liệu, văn bản pháp lý liên quan đến dự án cho Bên B.
- Chuẩn bị mặt bằng để thí nghiệm, thông báo kế hoạch kiểm tra và nghiệm thu cho bên B thực hiện.
- Cử cán bộ theo dõi và nghiệm thu công tác kiểm tra và thí nghiệm.
- Thanh toán cho bên B theo điều 3.
- Có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu bên B vi phạm một trong các điều khoản của hợp đồng.

4.2 Quyền và nghĩa vụ Bên B:

- Lập phòng thí nghiệm tại hiện trường, được bên A và TVGS chấp thuận nghiệm thu. Xuất trình các thiết bị phục vụ công tác thí nghiệm tại hiện trường và trong phòng thí nghiệm. Các thiết bị phải đảm bảo còn thời hạn kiểm định và hoạt động bình thường.

- Cử cán bộ thí nghiệm có mặt thường xuyên tại hiện trường để phục vụ công tác thí nghiệm công trình.

- Đảm bảo tiến độ thực hiện theo đúng yêu cầu của bên A, cung cấp các kết quả thí nghiệm kịp thời và chính xác được Chủ đầu tư và Tư vấn giám sát công trình chấp thuận (theo yêu cầu của bên A).

- Lập biểu bảng và kết quả thí nghiệm để phục vụ cho Bên A thanh quyết toán và lưu hồ sơ thí nghiệm công trình. Số lượng 07 bộ gốc/kết quả thí nghiệm.

- Có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu bên A vi phạm một trong các điều khoản của hợp đồng.

Điều 5: Điều khoản cam kết chung:

Hai bên cam kết thực hiện những điều khoản ghi trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện nếu có gì thay đổi hoặc vướng mắc, hai bên có trách nhiệm thông báo cho nhau để cùng bàn bạc giải quyết. Nếu không tự giải quyết được thì 2 bên có quyền khiếu nại lên các cơ quan pháp luật liên quan, bên nào sai phạm thì phải chịu mọi chi phí xét xử.

Hợp đồng được tự động thanh lý khi cả hai hoàn tất mọi nghĩa vụ và quyền lợi liên quan tại hợp đồng này.

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 04 bản, có giá trị pháp lý như nhau, bên B giữ 02 bản, bên A giữ 02 bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A

GIÁM ĐỐC
Phạm Hồng Sửu

ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Phương Châu

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: /2025/HĐTN

“V/v: Thí nghiệm kiểm tra chất lượng Gói thầu: Xây lắp công trình thuộc dự án: Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường, hệ thống thoát nước và ATGT các đoạn Km360+601,17 - Km361+494; Km365+700 - Km373+00, Quốc lộ 16, tỉnh Nghệ An.”

I. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG:

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005;

Căn cứ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Nghị định 17/2025/NĐ-CP ngày 06/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của hai bên.

Hôm nay, ngày tháng năm 2025, chúng tôi gồm các bên sau đây:

II. CÁC BÊN KÝ HỢP ĐỒNG:

1. Đại diện Bên giao (Bên A)

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ DL THÀNH VINH

Đại diện là Ông: Nguyễn Quốc Biện

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Khách sạn Thành Vinh, số 213 đường Lê Lợi, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 02383847222.

Tài khoản: 0101000890257 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Chi nhánh Nghệ An.

2. Đại diện bên nhận (Bên B)

Tên đơn vị: CÔNG TY CPTV KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG TRƯỜNG PHÁT

Địa chỉ trụ sở: Số 40, đường Vạn An, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ VPĐD: Bến Thủy 13, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

Người đại diện(Bà): Nguyễn Thị Phương Thảo

Chức vụ: Giám đốc

Tài khoản giao dịch: 111000039582 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, chi nhánh Nghệ An.



Mã số thuế: 2900 938 949.

Hai bên thoả thuận ký kết hợp đồng kinh tế với những điều khoản như sau:

Điều 1: Nội dung công việc.

Bên A đồng ý giao, bên B đồng ý nhận thực hiện công tác thí nghiệm vật liệu xây dựng và kiểm tra chất lượng tại hiện trường Gói thầu: Xây lắp công trình thuộc dự án: Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường, hệ thống thoát nước và ATGT các đoạn Km360+601,17 - Km361+494; Km365+700 - Km373+00, Quốc lộ 16, tỉnh Nghệ An.

Nội dung công việc cụ thể như sau:

a) Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý cho các loại vật liệu xây dựng: Đất đắp các loại, đá nguyên khai, đá dăm các loại, sắt, thép, xi măng, gạch, nhựa đường, bột khoáng và bê tông nhựa, độ chặt, đo E đường và các chỉ tiêu khác có trong quyết định thử của phòng LAS - XD765.

b) Thí nghiệm các chỉ tiêu khác do Tư vấn giám sát và Chủ đầu tư yêu cầu. Trong đó không bao gồm những chỉ tiêu sau đây: (Siêu âm cọc, khoan lỗ, mòn cọc khoan nhồi, cáp, nệm, neo, gối, kích, đồng hồ, khe co giãn, SA mối hàn, mạ kẽm, Sơn, HL Parafin, Độ nhớt ĐLH, Vải địa KT, hần lún vệt bánh xe, lớp PNMC, PDA.)

Ghi chú: Những chỉ tiêu tại khoản b, điều 1 sẽ có đơn giá cụ thể riêng.

Điều 2: Chất lượng và các yêu cầu kỹ thuật, tiến độ.

- Chất lượng: Thực hiện công tác thí nghiệm VLXD, kiểm tra chất lượng tại hiện trường và trong phòng thí nghiệm theo đúng quy trình, quy phạm hiện hành.

- Tiến độ: Từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến kết thúc thi công công trình theo tiến độ của chủ đầu tư.

Điều 3: Đơn giá và hình thức thanh toán:

3.1. Loại hợp đồng: Theo giá điều chỉnh (lấy theo quyết toán giá trị xây lắp hoàn thành).

3.2. Giá trị hợp đồng:

- Giá trị hợp đồng bằng $0,8\% \times$ Giá trị nghiệm thu mà bên A được chủ đầu tư chấp thuận, giá trị xây lắp tạm tính theo hợp đồng là: **12.082.171.198 đồng.**

- Giá trị thí nghiệm tạm tính là: $12.082.171.198 \times 0,8\% = 96.657.370$ đồng.

Bằng chữ: Chín mươi sáu triệu, sáu trăm năm mươi bảy ngàn ba trăm bảy mươi đồng.

- Tạm ứng: Bên A sẽ tạm ứng cho bên B ngay sau khi ký hợp đồng là 30% giá trị hợp đồng theo hợp đồng thí nghiệm đã ký.

- Thanh toán: Sau mỗi đợt bên A nhận đủ hồ sơ thí nghiệm thì thanh toán cho bên B theo tỷ lệ tương ứng với giá trị mà bên A thanh toán với Chủ Đầu tư. Tính bằng tỷ lệ % giá trị bên A được thanh toán của từng đợt, đồng thời khấu trừ dần tạm ứng theo tỷ lệ từng đợt.

- Giá trị hợp đồng còn lại sẽ thanh toán hết cho bên B trước khi nhận hồ sơ thí nghiệm để thanh toán đợt cuối với Chủ đầu tư.

- Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản, bên B có trách nhiệm xuất hóa đơn GTGT theo quy định cho bên A.

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ mỗi bên:

4.1. Quyền và nghĩa vụ Bên A:

- Cung cấp tài liệu, văn bản pháp lý liên quan đến dự án cho Bên B.
- Chuẩn bị mặt bằng để thí nghiệm, thông báo kế hoạch kiểm tra và nghiệm thu cho bên B thực hiện.
- Cử cán bộ theo dõi và nghiệm thu công tác kiểm tra và thí nghiệm.
- Thanh toán cho bên B theo điều 3.
- Có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu bên B vi phạm một trong các điều khoản của hợp đồng.

4.2. Quyền và nghĩa vụ Bên B:

- Lập phòng thí nghiệm tại hiện trường, được bên A và TVGS chấp thuận nghiệm thu. Xuất trình các thiết bị phục vụ công tác thí nghiệm tại hiện trường và trong phòng thí nghiệm. Các thiết bị phải đảm bảo còn thời hạn kiểm định và hoạt động bình thường.

- Cử cán bộ thí nghiệm có mặt thường xuyên tại hiện trường để phục vụ công tác thí nghiệm công trình.

- Đảm bảo tiến độ thực hiện theo đúng yêu cầu của bên A, cung cấp các kết quả thí nghiệm kịp thời và chính xác được Chủ đầu tư và Tư vấn giám sát công trình chấp thuận (theo yêu cầu của bên A).

- Lập biểu bảng và kết quả thí nghiệm để phục vụ cho Bên A thanh quyết toán và lưu hồ sơ thí nghiệm công trình. Số lượng 07 bộ gốc/kết quả thí nghiệm.

- Có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu bên A vi phạm một trong các điều khoản của hợp đồng.

Điều 5: Điều khoản cam kết chung:

Hai bên cam kết thực hiện những điều khoản ghi trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện nếu có gì thay đổi hoặc vướng mắc, hai bên có trách nhiệm thông báo cho nhau để cùng bàn bạc giải quyết. Nếu không tự giải quyết được thì 2 bên có quyền khiếu nại lên các cơ quan pháp luật liên quan, bên nào sai phạm thì phải chịu mọi chi phí xét xử.

Hợp đồng được tự động thanh lý khi cả hai hoàn tất mọi nghĩa vụ và quyền lợi liên quan tại hợp đồng này.

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 04 bản, có giá trị pháp lý như nhau, bên B giữ 02 bản, bên A giữ 02 bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A



Nguyễn Quốc Biện

ĐẠI DIỆN BÊN B



Nguyễn Thị Phương Thảo



ISO 9001:2008

CÔNG TY CPTV KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG TRƯỜNG PHÁT

Địa chỉ trụ sở: Số 40, đường Vạn An, Phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An

Địa chỉ VPĐD: Bến Thủy 13, Phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

Tel: 0904.211.345, Email: 57truongphat@gmail.com.

PHẦN V

CHỨNG CHỈ KIỂM ĐỊNH THIẾT BỊ



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐKKD 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717



BẢN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (Số): IMC.5190.25

Tên phương tiện đo (Object): Máy đo điện trở đất

Kiểu (Type): KEW 4105A Số (Serial Số) / Mã QL(Tag Số): E8347220

Nơi sản xuất (Manufacturer): KYORITSU - Thái Lan

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification):

Phạm vi đo (Range): (0~20) Ω	ĐCΧ: ±2 % rdg ±0,1 dgt
(0~200) Ω	ĐCΧ: ±2 % rdg ±3 dgt
(0~2000) Ω	ĐCΧ: ±2 % rdg ±3 dgt

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG TRƯỜNG PHÁT

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): IMC.OHM-1.0

Dụng cụ đo điện trở - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Hộp điện trở chuẩn

Chuẩn được liên kết tới chuẩn quốc gia

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 01 - 06 - 26

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2025

(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)

GIÁM ĐỐC

Phạm Quang Duy
Phạm Quang Duy



GIÁM ĐỐC

Trần Đình Loan
Trần Đình Loan

Trang: 1/2
(Số of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No):

IMC.5190.25

Thang đo	Giá trị chuẩn <i>Std. Input Value</i>	Giá trị đo được <i>Reading Value</i>	ĐKĐBBĐ <i>Uncertainty</i> (k=2;95%CL)
20 Ω	1	0,98	0,50%
	10	10,02	
	19	19,01	
200 Ω	10	10,1	
	100	100,3	
	190	191,1	
2000 Ω	100	101	
	1000	1002	
	1900	1909	

Độ không đảm bảo đo được ước lượng với mức tin cậy 95% tương ứng hệ số phủ k = 2



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center, JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717



BẢN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.5188.25**

Tên phương tiện đo (Object) : **Dụng cụ Vicat**

Kiểu (Type) : Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **1476.24**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **TCVN 6017 - 2015**

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG TRƯỜNG PHÁT

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **QTHC 5.4-11**

Dụng cụ Vicat - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Panme $U = (1 + 6L) \mu m$ ($k = 2; P \approx 95\%$)

Cân kỹ thuật, $U = 1.10^{-3}$ ($k = 1; P \approx 95\%$)

Thước cặp điện tử $U = (5 + 8L) \mu m$ ($k = 2; P \approx 95\%$)

Kết quả (Results) : **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **01 - 06 - 26**

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2025
(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)

Phạm Quang Duy

GIÁM ĐỐC

(Director)



GIÁM ĐỐC

Trần Đình Tuấn

Trang: 1/2
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No) IMC.5188.25

TT	Tên chỉ tiêu	Giá trị danh nghĩa	Kết quả	
			Giá trị đo được	U
1	Khối lượng bộ phận chuyển động	(300 ± 1) g	300,4 g	0,07mg
Kim thử độ dẻo tiêu chuẩn				
2	Đường kính	$(10 \pm 0,05)$ mm	9,98 mm	0,01 mm
3	Chiều dài	(50 ± 1) mm	50,7 mm	0,1 mm
Kim thử thời gian bắt đầu đông kết				
4	Đường kính	$(1,13 \pm 0,05)$ mm	1,12 mm	0,03 mm
5	Chiều dài	(50 ± 1) mm	49,82 mm	0,05 mm
Kích thước khâu Vicat				
8	Đường kính đỉnh	(65 ± 5) mm	66,5 mm	0,03 mm
9	Đường kính đáy	(75 ± 5) mm	76,1 mm	0,04 mm
10	Chiều cao	$(40 \pm 0,2)$ mm	39,6 mm	0,03 mm

Trang: 2/2
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

0888.333.717



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717



BẢN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.5199.25**

Tên phương tiện đo (Object) **Máy thử độ bền nén (Compress testing machine)**

Kiểu (Type): **TYA-2000** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **20098**

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Phạm vi đo(Range): (0 ÷ 2000) kN**

Giá trị độ chia (Div): **(0 ÷ 999,99) kN, d = 0,01 kN; (1000 ÷ 2000) kN, d = 0,1 kN**

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG TRƯỜNG PHÁT

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 109 : 2002**

Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn

(Tensile - Compress testing machines - Methods and means of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **IMC.TB1.03 - Đầu đo lực (Force transducers)**

Độ không đảm bảo đo (Uncertainty), U = 0,21.10⁻²

Được liên kết tới hệ đơn vị đo quốc tế SI thông qua chuẩn quốc gia

(The Standard devices are traceable to National standards)

Kết quả (Results): **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**

(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **01 - 06 - 26**

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2025

(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm

(Head of calibration Laboratory)

Phạm Quang Duy

GIÁM ĐỐC

(Director)



GIÁM ĐỐC

Trần Đình Hải

Trang: 1/2
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kết quả theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No. IMC.5199.25)



	Giá trị chỉ thị (kN) (Indicated values on the equipment)	Lực đo được (kN) (Measured force)	Sai số, % (Error, %)
1	0	0,0	0,00
2	300	302,1	-0,70
3	600	603,9	-0,65
4	900	904,5	-0,50
5	1200	1205,1	-0,42
6	1500	1505,7	-0,38
7	1800	1806,5	-0,36

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: $(25 \pm 2) ^\circ\text{C}$ với độ không đảm bảo đo: $U = 1,0 \cdot 10^{-2}$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$.

(The equipment has been calibrated at the temperature of $(25 \pm 2) ^\circ\text{C}$. The measurement uncertainty is: $U = 1,0 \cdot 10^{-2}$, $k = 2$, $P \approx 95\%$).



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center, JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717



BẢN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (Số): **IMC.5200.25**

Tên phương tiện đo (Object): **Máy thử độ bền kéo, nén, uốn (Universal testing machine)**

Kiểu (Type): **WE - 600 B** Số (Serial Số) / Mã QL(Tag Số): **902210**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Phạm vi đo lớn nhất (Max range): 600 kN**

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG TRƯỜNG PHÁT

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 109 : 2002**

Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn
(Tensile - Compress testing machines - Methods and means of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **IMC.TB1.03 - Đầu đo lực (Force transducers)**
Độ không đảm bảo đo (Uncertainty), U = 0,12.10⁻²

Được liên kết tới hệ đơn vị đo quốc tế SI thông qua chuẩn quốc gia
(The Standard devices are traceable to National standards)

Kết quả (Results): **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **01 - 06 - 26**

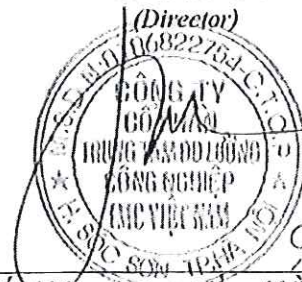
Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2025

(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)

Phạm Quang Duy

GIÁM ĐỐC
(Director)



GIÁM ĐỐC

Trần Đình Khoa

Trang: 1/2
(Số of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No): IMC.5200.025

Chỉ thị trên máy (Indicated on WE-1000B) (kN)	Lực đo được (Measured force) (kN)	Chỉ thị trên máy (Indicated on WE-1000B) (kN)	Lực đo được (Measured force) (kN)
Thang đo (0 ÷ 600) kN; d = 2 kN		Thang đo (0 ÷ 300) kN; d = 1 kN	
0	0,00	0	0,00
100	100,51	50	50,05
200	200,69	100	100,31
300	301,58	150	150,52
400	401,34	200	200,96
500	501,54	250	251,87
600	602,69	300	301,63
Thang đo (0 ÷ 120) kN; d = 0,5 kN			
0	0,00		
25	25,07		
50	50,23		
75	75,47		
100	100,53		
120	120,62		

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: $(25 \pm 2) ^\circ\text{C}$ với độ không đảm bảo đo: $U = 1,0 \cdot 10^{-2}$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$.

(The equipment has been calibrated at the temperature of $(25 \pm 2) ^\circ\text{C}$. The measurement uncertainty is: $U = 1,0 \cdot 10^{-2}$, $k = 2$, $P \approx 95\%$).



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center, JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717



BẢN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.5191.25**

Tên phương tiện đo (Object): **Vòng đo lực máy nén Marshall**

Kiểu (Type): **Ứng biến** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **32495**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo lớn nhất(Max range): **30 kN**
Đồng hồ so: **(0 - 10)mm**; Giá trị độ chia: **d = 0,01 mm**

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG TRƯỜNG PHÁT

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 108 : 2002**

Phương tiện đo lực - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **IMC.TB1.03 - Đầu đo lực(Force transducers)**
Độ không đảm bảo đo (Uncertainty), U = 0,12.10⁻²

Được liên kết tới hệ đơn vị đo quốc tế SI thông qua chuẩn quốc gia
(The Standard devices are traceable to National standards)

Kết quả (Results): **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **01 - 06 - 26**

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2025

(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)

Phạm Quang Duy

GIÁM ĐỐC
(Director)



GIÁM ĐỐC

Trần Đình Hải

Trang: 1/2
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kiểm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): **IMC.5191.25**

	Lực đo (kN)	Giá trị chỉ thị trung bình (vạch × 0,01 mm)
01	0	0,0
02	4	18,1
03	8	37,5
04	12	55,2
05	16	72,8
06	20	90,7
07	24	108,5

Phương trình hiệu chuẩn:

$$y = 0,2213x - 0,1022$$

Với y là lực (kN) và x là số vạch chỉ thị trên đồng hồ so

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: $(25 \pm 2) ^\circ\text{C}$ với độ không đảm bảo đo:
 $U = 1,0 \cdot 10^{-2}$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 4:28)**
(Vietnam Industrial Measuring Center, JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

BẢN SAO



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.5193.25**

Tên phương tiện đo (Object) : **Tủ sấy (Oven)**

Kiểu (Type) : **101-1A** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **38708**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Phạm vi đo (range): Max 300°C**

Độ phân giải (Resolution): 1°C

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG TRƯỜNG PHÁT

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **QTHC 5.4-07**

Tủ nhiệt - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Bộ đo nhiệt độ đa kênh: LR8421-50/HIOKI;

Độ không đảm bảo đo $U = 0,2 \text{ }^\circ\text{C}$

Kết quả (Results) : **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **01 - 06 - 26**

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2025

(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)

Phạm Quang Duy

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC

Trần Đình Tuấn

Trang: 1/2
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No): IMC.5193.25

Nhiệt độ chỉ thị (Indicator) °C	Nhiệt độ chuẩn (Standard) °C		
	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
80,0	81,7	81,5	81,8
120,0	121,1	121,7	121,3
140,0	142,0	142,8	142,4
Độ KĐBD (P=95% CL, k=2) °C	1,5		

Trang: 2/2
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:
0888.333.717



CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)
 Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
 Điện thoại (Tel.): 0888.333.717



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (Số): **IMC.5194.25**

Tên phương tiện đo (Object) : **Máy chiết nhựa ly tâm**

Kiểu (Type) : **T-Tech** Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): **32494**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Việt Nam**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Tốc độ vòng quay:
 (1600 - 2200 - 2600) vòng/phút**

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG TRƯỜNG PHÁT

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **QTHC 5.4 - 09**

Máy chiết xuất ly tâm - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Đồng hồ đo tốc độ vòng quay

Kết quả (Results) : **Xem kết quả trang sau**

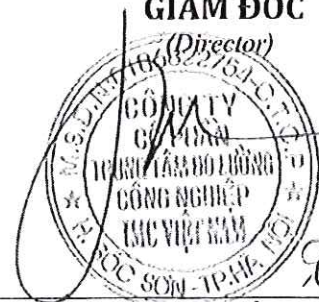
Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **01 - 06 - 26**

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2025
(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)

Phạm Quang Duy

GIÁM ĐỐC
(Director)



GIÁM ĐỐC

Trang: 1/2
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
 Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kem nhét giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.5194.25

STT	Giá trị đặt	Đo được
1	1600	1602
2	2200	2205
3	2600	2607

• Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: (25 ± 2) °C với độ không đảm bảo đo:

$U = 0,8 \cdot 10^{-2}$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$.

(The equipment has been calibrated at the temperature of (25 ± 2) °C. The measurement uncertainty is:

$U = 0,8 \cdot 10^{-2}$, $k = 2$, $P \approx 95\%$).



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (DK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội,
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717



BẢN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (Số): **IMC.5196.25**

Tên phương tiện đo (Object): **Cung lực máy nén CBR**
 Kiểu (Type): **Ứng biến** Số (Serial Số) / Mã QL (Tag Số): **R2589**
 Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**
 Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Phạm vi đo đến: 50 kN**
Đồng hồ so (0~10)mm/0,01mm

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG TRƯỜNG PHÁT

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 108 : 2002**

Phương tiện đo lực - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **IMC.TB1.03 - Đầu đo lực (Force transducers)**
Độ không đảm bảo đo (Uncertainty), U = 0,12.10⁻²

Được liên kết tới hệ đơn vị đo quốc tế SI thông qua chuẩn quốc gia
(The Standard devices are traceable to National standards)

Kết quả (Results): **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **01 - 06 - 26**

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2025

(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)

Phạm Quang Duy

GIÁM ĐỐC
(Director)



GIÁM ĐỐC

Trang: 1/2
(Số of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No): IMC:519625

STT (Số)	Lực đo, kN (Reference Force, kN)	Giá trị chỉ thị, $\times 0,01$ mm (Indicated, $\times 0,01$ mm)
01	0	0,0
02	10	38,8
03	20	76,9
04	30	115,1
05	40	155,3
06	50	193,9

Phương trình hiệu chuẩn:

$$y = 0,2579x + 0,0727$$

Với y là lực (kN) và x là số vạch chỉ thị trên đồng hồ so

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: (25 ± 2) °C với độ không đảm bảo đo: $U = 0,8 \cdot 10^{-2}$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$.

(The equipment has been calibrated at the temperature of (25 ± 2) °C. The measurement uncertainty is: $U = 0,8 \cdot 10^{-2}$, $k = 2$, $P \approx 95\%$).

Trang: 2/2
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

0888.333.717



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

BẢN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)



Số (Số): **IMC.5197.25**

Tên phương tiện đo (Object) : **Thiết bị đo độ dẫn dài nhựa đường**

Kiểu (Type): **N/A** Số (Serial No) / Mã QL (Tag No): **32175**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **ASTM D113**

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG TRƯỜNG PHÁT

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **Đo trực tiếp**

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Pan me, $d = 0,001 \text{ mm}$;

Đồng hồ bấm giây;

Thước cặp điện tử $U = (5 + 8L) \mu\text{m}$ ($k = 2$; $P \approx 95\%$)

Kết quả (Results) : **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **01 - 06 - 26**

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2025
(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)

Phạm Quang Duy

GIÁM ĐỐC
(Director)



GIÁM ĐỐC

Trang: 1/2
(No of pages)

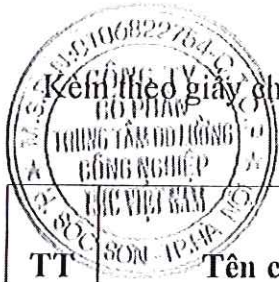
Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kiểm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC 5197.25

TT	Tên chỉ tiêu	Giá trị danh nghĩa	Kết quả	
			Giá trị đo được	U
1	Vận tốc kéo	50 mm/phút \pm 5%	50,5 mm/phút	0,5 mm/phút
2	Chiều dài khuôn	(1500 \pm 0,1) mm	1500,07 mm	0,07 mm
3	Chiều rộng nhỏ nhất của khuôn	(10 \pm 0,1) mm	10,05 mm	0,07 mm

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: (25 \pm 2) °C



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center, JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

BẢN SAO



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.5198.25**

Tên phương tiện đo (Object): **Máy đầm Mashall tự động**

Kiểu (Type): **ZMJ-IIA** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **207311**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **TCVN 8860-1**

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG TRƯỜNG PHÁT

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **Đo trực tiếp**

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Cân kỹ thuật, $U = 1.10^{-3}$

Thiết bị đo độ dài: Pan me, $d = 0,001$ mm. Thước cặp $d = 0,001$ mm

Kết quả (Results): **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **01 - 06 - 26**

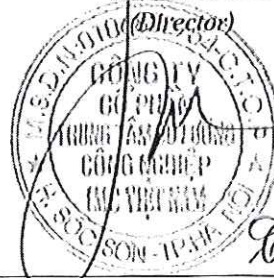
Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2025

(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)

Phạm Quang Duy

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC

Trần Đình Loan

Trang: 1/2
(№ of pages)

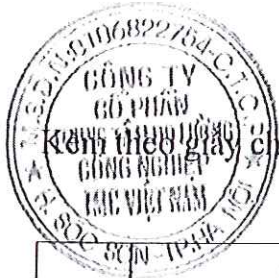
Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.5198.25

TT	Tên chỉ tiêu	Giá trị danh nghĩa	Kết quả	
			Giá trị đo được	Độ lệch
1	Trọng lượng búa	4,53 kg	4,54 kg	0,01 kg
2	Chiều cao rơi	45,7 cm	45,8 cm	0,1 cm
3	Tốc độ đầm	60 lần/phút	60 ± 1 lần/phút	± 1 lần/phút

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: $(25 \pm 2) ^\circ\text{C}$ với $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$.

Trang: 2/2
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

0888.333.717



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717



BẢN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.5195.25**

Tên phương tiện đo (Object) : **Cân điện tử**

Kiểu (Type) : **EC-15**

Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **150124002**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Mỹ**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Phạm vi đo (range): Max =15 kg**

Độ phân giải (Resolution): d = 1 g

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG TRƯỜNG PHÁT

Phương pháp thực hiện (Method of calibration):

QTHC 5.4 - 01- Quy trình hiệu chuẩn cân cấp độ chính xác 1 và 2, 3, và 4

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

IMC.TB1.34 - Quả cân F2

Chuẩn được liên kết tới quả cân chuẩn quốc gia
(Standard weights are traceable to the national mass standard)

Kết quả (Results) :

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **01 - 06 - 26**

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2025
(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)

Phạm Quang Duy

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC

Trần Đình Hải

Trang: 1/2
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.5195.25

STT	Mức cân (Load) g	Giá trị chỉ thị (Indication) g	Số hiệu chỉnh (Correction) g	ĐKĐBD U (Uncertainty) g
1	500	500	0	0,42
2	1000	1000	0	0,42
3	2000	2000	0	0,54
4	5000	5000	0	0,58
5	10000	10001	-1	0,62
6	15000	15001	-1	0,62

- Điều kiện môi trường (Environmental Conditions):

	Nhiệt độ (Temperature), °C	Độ ẩm (Humidity), %RH
Bắt đầu	25,0	55,0
Kết thúc	25,2	58,0

- Các giá trị độ không đảm bảo đo mở rộng U ở trên được xác định với mức tin cậy P = 95,45% (k=2)

Trang: 2/2
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

0888.333.717



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center, JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717



BẢN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (Số): **IMC.5192.25**

Tên phương tiện đo (Object): **Máy nén tam liên**

Kiểu (Type): **WG**

Số (Serial Số) / Mã QL (Tag Số): **29119**

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Phạm vi đo (Range): (0 ÷ 1200) N**

Tỷ số truyền 1/12. Tiết diện dao vòng 30 cm²

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG TRƯỜNG PHÁT

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 109 : 2002**

Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn

(Tensile - Compress testing machines - Methods and means of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **IMC.TB1.03 - Đầu đo lực (Force transducers)**

Độ không đảm bảo đo (Uncertainty), U = 0,12.10⁻²

Được liên kết tới hệ đơn vị đo quốc tế SI thông qua chuẩn quốc gia

(The Standard devices are traceable to National standards)

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **01 - 06 - 26**

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2025

(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm

(Head of calibration Laboratory)

Phạm Quang Duy

GIÁM ĐỐC

(Director)



GIÁM ĐỐC

Trần Đình Khoa

Trang: 1/2
(Số of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC 5192.25

Lực nén (N)	Lực đo được theo từng dàn, N			
	Dàn số 1	Dàn số 2	Dàn số 3	
Tiết diện dao vòng 30 cm ²				
12,5	37,5	37,5	37,6	37,8
25	75,0	75,9	76,2	77,0
50	150,0	150,4	150,9	151,3
100	300,0	300,9	301,7	301,8
200	600,0	600,9	601,2	601,3
300	900,0	900,9	905,3	900,4
400	1200,0	1205,3	1203,9	1203,6

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: (25 ± 2) °C với độ không đảm bảo đo:
 $U = 1,0 \cdot 10^{-2}$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$.
(The equipment was calibrated at the temperature of (25 ± 2) °C. The measurement uncertainty is $U = 1,0 \cdot 10^{-2}$, $k = 2$, $P \approx 95\%$).



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐKKD 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center, JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717



BẢN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): IMC.5189.25

Tên phương tiện đo (Object): **Thiết bị thí nghiệm bốc cháy nhựa**

Kiểu (Type): SYD-3536 Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 015

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Max 400°C

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG TRƯỜNG PHÁT

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): Đo trực tiếp

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Bộ đo nhiệt độ đa kênh: LR8421-50/HIOKI;
Độ không đảm bảo đo U = 0,6 °C
Đồng hồ bấm giây

Kết quả

(Results): Timer: 5s ± 0,5s
Nhiệt độ đo được tại 5s: 376 °C
- Nhiệt độ hiệu chuẩn : (25 ± 2) °C;
- Với độ không đảm bảo đo : U = 2,0 R, k = 2, mức tin cậy P ≈ 95%.

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 01 - 06 - 26

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2025

(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)

Phạm Quang Duy

GIÁM ĐỐC

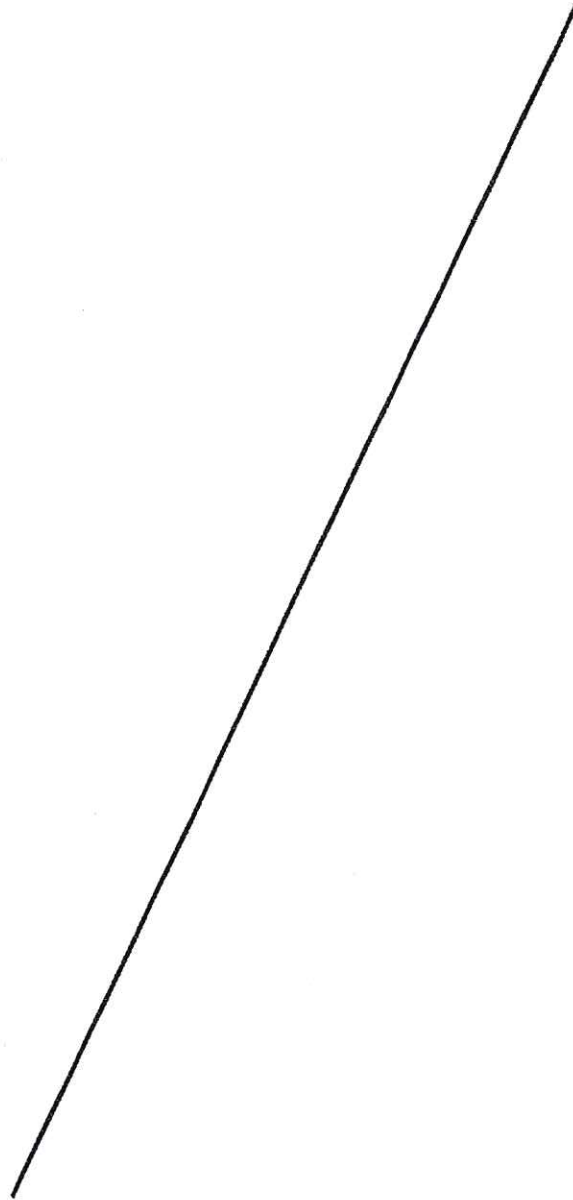


GIÁM ĐỐC

Trang: 1/2
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn
(Calibration results)



Trang: 2/2
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

0888.333.717



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717



BẢN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.5187.25**

Tên phương tiện đo (Object) : **Máy thử mài mòn Los Angeles**

Kiểu (Type) : **T-Tech** Số (Serial №) / Mã QL (Tag №): **TLA075**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Việt Nam**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Tiêu chuẩn TCVN 6065-1995**

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG TRƯỜNG PHÁT

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **QTHC 5.4 - 09**

Máy thử mài mòn - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Đồng hồ đo tốc độ vòng quay

Kết quả (Results) : **Tốc độ vòng quay của đĩa đo được: (30 ~ 33) vòng/phút**
Với độ không đảm bảo đo: $U = 1.6 \cdot 10^{-2}$ hệ số phủ $k = 2$, mức tin cậy 95%

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **01 - 06 - 26**

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2025
(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)

Phạm Quang Duy

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC

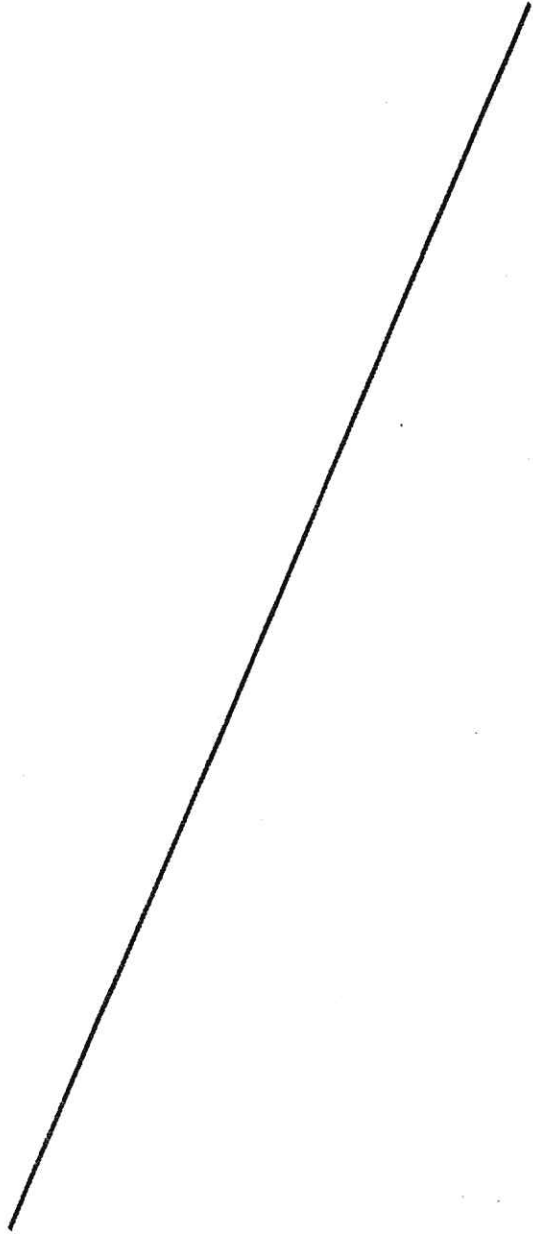
Trần Đình Liên

Trang: 1/2
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Trang: 2/2
(No. of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
Hotline: Dịch vụ kiểm định hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:
0888.333.717